

**TỔNG CÔNG TY THỦY SẢN VIỆT NAM – CÔNG TY CỔ PHẦN
VÀ CÁC CÔNG TY CON**

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT ĐÃ ĐƯỢC KIỂM TOÁN
Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2025

TỔNG CÔNG TY THỦY SẢN VIỆT NAM – CÔNG TY CỔ PHẦN VÀ CÁC CÔNG TY CON

Địa chỉ: 2-4-6 Đồng Khởi, Phường Sài Gòn, Thành phố Hồ Chí Minh

MỤC LỤC

Trang

BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

1 – 2

BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP

3 – 4

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT ĐÃ ĐƯỢC KIỂM TOÁN

Bảng cân đối kế toán hợp nhất

5 – 6

Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất

7

Báo cáo lưu chuyển tiền tệ hợp nhất

8

Bản thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất

9 – 55

TỔNG CÔNG TY THỦY SẢN VIỆT NAM – CÔNG TY CỔ PHẦN VÀ CÁC CÔNG TY CON

Địa chỉ: 2-4-6 Đồng Khởi, Phường Sài Gòn, Thành phố Hồ Chí Minh

BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

Ban Tổng Giám đốc Tổng Công ty Thủy sản Việt Nam – Công ty Cổ phần trình bày báo cáo này cùng với các báo cáo tài chính hợp nhất đính kèm đã được kiểm toán của Tổng Công ty và các công ty con (dưới đây gọi chung là "Tổng Công ty") cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2025.

Các thành viên Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát và Ban Tổng Giám đốc trong năm và vào ngày lập báo cáo này của Tổng Công ty bao gồm:

Hội đồng quản trị

<u>Tên</u>	<u>Chức vụ</u>
Ông Hoàng Ngọc Thạch	Chủ tịch
Ông Mai Xuân Phong	Thành viên
Bà Đỗ Thị Phương Lan	Thành viên
Bà Đặng Phương Lan	Thành viên (Bổ nhiệm từ ngày 26/4/2025)
Ông Lê Trung Hiếu	Thành viên (Bổ nhiệm từ ngày 26/4/2025)
Ông Đinh Tiến Long	Thành viên (Miễn nhiệm từ ngày 26/4/2025)
Ông Đỗ Tùng Hưng	Thành viên (Miễn nhiệm từ ngày 26/4/2025)

Ban kiểm soát

<u>Tên</u>	<u>Chức vụ</u>
Ông Lê Cao Khánh	Trưởng ban (Bổ nhiệm từ ngày 26/4/2025)
Bà Phạm Thị Lan Hương	Thành viên (Bổ nhiệm từ ngày 26/4/2025)
Ông Lưu Mạnh Cường	Thành viên (Bổ nhiệm từ ngày 26/4/2025)
Bà Đặng Phương Lan	Trưởng ban (Miễn nhiệm từ ngày 26/4/2025)
Ông Trần Thanh Tuấn	Thành viên (Miễn nhiệm từ ngày 26/4/2025)
Bà Phạm Trâm Anh	Thành viên (Miễn nhiệm từ ngày 26/4/2025)

Ban Tổng Giám đốc

<u>Tên</u>	<u>Chức vụ</u>
Ông Mai Xuân Phong	Tổng Giám đốc
Ông Nguyễn Thành Trung	Phó Tổng Giám đốc
Ông Lê Vĩnh Hòa	Phó Tổng Giám đốc
Ông Đỗ Trung Chuyên	Phó Tổng Giám đốc (Bổ nhiệm từ ngày 01/01/2025)

NGƯỜI ĐẠI DIỆN THEO PHÁP LUẬT

Người đại diện theo pháp luật trong năm và vào ngày lập báo cáo này của Tổng Công ty là Ông Mai Xuân Phong – Tổng Giám đốc.

TRÁCH NHIỆM CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

Ban Tổng Giám đốc Tổng Công ty có trách nhiệm lập báo cáo tài chính hợp nhất phản ánh một cách trung thực và hợp lý tình hình tài chính hợp nhất cũng như kết quả kinh doanh hợp nhất và tình hình lưu chuyển tiền tệ hợp nhất của Tổng Công ty trong năm. Trong việc lập báo cáo tài chính hợp nhất này, Ban Tổng Giám đốc được yêu cầu phải:

- Lựa chọn các chính sách kế toán thích hợp và áp dụng các chính sách đó một cách nhất quán;
- Đưa ra các xét đoán và ước tính một cách hợp lý và thận trọng;
- Nêu rõ Chuẩn mực kế toán áp dụng cho Tổng Công ty có được tuân thủ hay không, có những áp dụng sai lệch trọng yếu cần được công bố và giải thích trong báo cáo tài chính hợp nhất hay không;
- Lập báo cáo tài chính hợp nhất trên cơ sở hoạt động liên tục trừ trường hợp không thể giả định rằng Tổng Công ty sẽ tiếp tục hoạt động liên tục; và
- Thiết kế và duy trì hệ thống kiểm soát nội bộ một cách hữu hiệu cho mục đích lập và trình bày báo cáo tài chính hợp nhất hợp lý nhằm hạn chế sai sót và gian lận.

BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC (TIẾP THEO)

Ban Tổng Giám đốc chịu trách nhiệm đảm bảo rằng các sổ sách kế toán được ghi chép phù hợp và lưu giữ đầy đủ để phản ánh một cách hợp lý tình hình tài chính hợp nhất của Tổng Công ty tại bất kỳ thời điểm nào và báo cáo tài chính hợp nhất được lập tuân thủ các chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính hợp nhất. Ban Tổng Giám đốc Tổng Công ty cũng chịu trách nhiệm đảm bảo an toàn tài sản của Tổng Công ty và thực hiện những biện pháp thích hợp để ngăn chặn và phát hiện các hành vi gian lận và vi phạm khác.

Ban Tổng Giám đốc xác nhận rằng Tổng Công ty đã tuân thủ các yêu cầu nêu trên khi lập báo cáo tài chính hợp nhất.

KIỂM TOÁN VIÊN

Báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo được kiểm toán bởi Công ty TNHH Kiểm toán - Thẩm định giá và Tư vấn ECOVIS AFA VIỆT NAM (Trụ sở chính: Số 142 đường Xô Viết Nghệ Tĩnh, Phường Hòa Cường, Thành phố Đà Nẵng, Việt Nam; Điện thoại: (84) 0236.363.3333; Fax: (84) 0236.363.3338; Website: www.ecovis.com/vietnam/audit)

CÔNG BỐ BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Ban Tổng Giám đốc Tổng Công ty xác nhận rằng, báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo phản ánh trung thực và hợp lý, trên các khía cạnh trọng yếu, tình hình tài chính hợp nhất của Tổng Công ty vào ngày 31 tháng 12 năm 2025, kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ hợp nhất của năm tài chính kết thúc cùng ngày, phù hợp với các chuẩn mực kế toán Việt Nam, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính hợp nhất.

Thay mặt và đại diện cho Ban Tổng Giám đốc



Mai Xuân Phong
Tổng Giám đốc

Hồ Chí Minh, ngày 17 tháng 03 năm 2026

Số: 86/2026/BCKTHN-E.AFA

BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP

Kính gửi: Các cổ đông
Hội đồng quản trị và Ban Tổng Giám đốc
TỔNG CÔNG TY THỦY SẢN VIỆT NAM – CÔNG TY CỔ PHẦN

Báo cáo kiểm toán về báo cáo tài chính hợp nhất

Chúng tôi đã kiểm toán báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo của Tổng Công ty Thủy sản Việt Nam và các Công ty con (sau đây gọi chung là "Tổng Công ty"), được lập ngày 17 tháng 03 năm 2026, từ trang 5 đến trang 55, bao gồm Bảng cân đối kế toán hợp nhất tại ngày 31 tháng 12 năm 2025, Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất, Báo cáo lưu chuyển tiền tệ hợp nhất cho năm tài chính kết thúc cùng ngày và Bản thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất.

Trách nhiệm của Ban Tổng Giám đốc

Ban Tổng Giám đốc Tổng Công ty chịu trách nhiệm về việc lập và trình bày trung thực hợp lý báo cáo tài chính hợp nhất theo các chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính hợp nhất và chịu trách nhiệm về kiểm soát nội bộ mà Ban Tổng Giám đốc xác định là cần thiết để đảm bảo cho việc lập và trình bày báo cáo tài chính hợp nhất không có sai sót trọng yếu do gian lận hoặc nhầm lẫn.

Trách nhiệm của Kiểm toán viên

Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra ý kiến về báo cáo tài chính hợp nhất dựa trên kết quả của cuộc kiểm toán. Chúng tôi đã tiến hành kiểm toán theo các chuẩn mực kiểm toán Việt Nam. Các chuẩn mực này yêu cầu chúng tôi phải tuân thủ chuẩn mực và các quy định về đạo đức nghề nghiệp, lập kế hoạch và thực hiện cuộc kiểm toán để đạt được sự đảm bảo hợp lý về việc liệu báo cáo tài chính hợp nhất của Tổng Công ty có còn sai sót trọng yếu hay không.

Công việc kiểm toán bao gồm thực hiện các thủ tục nhằm thu thập các bằng chứng kiểm toán về các số liệu và thuyết minh trên báo cáo tài chính hợp nhất. Các thủ tục kiểm toán được lựa chọn dựa trên xét đoán của kiểm toán viên, bao gồm đánh giá rủi ro có sai sót trọng yếu trong báo cáo tài chính hợp nhất do gian lận hoặc nhầm lẫn. Khi thực hiện đánh giá các rủi ro này, kiểm toán viên đã xem xét kiểm soát nội bộ của Tổng Công ty liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính hợp nhất trung thực, hợp lý nhằm thiết kế các thủ tục kiểm toán phù hợp với tình hình thực tế, tuy nhiên không nhằm mục đích đưa ra ý kiến về hiệu quả của kiểm soát nội bộ của Tổng Công ty. Công việc kiểm toán cũng bao gồm đánh giá tính thích hợp của các chính sách kế toán được áp dụng và tính hợp lý của các ước tính kế toán của Ban Tổng Giám đốc cũng như đánh giá việc trình bày tổng thể báo cáo tài chính hợp nhất.

Chúng tôi tin tưởng rằng các bằng chứng kiểm toán mà chúng tôi đã thu thập được là đầy đủ và thích hợp để làm cơ sở cho ý kiến kiểm toán của chúng tôi.

Ý kiến của Kiểm toán viên

Theo ý kiến chúng tôi, báo cáo tài chính hợp nhất đính kèm đã phản ánh trung thực và hợp lý trên các khía cạnh trọng yếu tình hình tài chính hợp nhất của Tổng Công ty tại ngày 31 tháng 12 năm 2025 cũng như kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất và tình hình lưu chuyển tiền tệ hợp nhất của năm tài chính kết thúc cùng ngày, phù hợp với các chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính hợp nhất.

BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP (TIẾP THEO)

Các Vấn đề cần nhấn mạnh

1. Chúng tôi xin lưu ý người đọc Báo cáo tài chính hợp nhất của Tổng Công ty đến Thuyết minh số 4.2 Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất, Tổng Công ty có khoản đầu tư vào Công ty liên kết là Công ty Cổ phần Đồ hộp Hạ Long với giá trị ghi sổ 36.071.360.000 VND và giá trị theo phương pháp vốn chủ sở hữu là 41.036.450.324 VND. Theo quyết định số 1223/QĐ ngày 12/09/2025, Công an Thành phố Hải Phòng đã khởi tố vụ án hình sự "Vi phạm quy định về an toàn thực phẩm". Ngày 13/01/2026, Tổng Giám đốc Công ty Cổ phần Đồ hộp Hạ Long đã bị khởi tố theo quyết định số 171 của Cơ quan CSĐT Công an Thành phố Hải Phòng. Tính đến thời điểm phát hành Báo cáo tài chính hợp nhất này, Công ty Cổ phần Đồ hộp Hạ Long vẫn chưa hoàn thành và công bố Báo cáo tài chính năm 2025 đã được kiểm toán. Giá trị khoản đầu tư và giá trị theo phương pháp vốn chủ sở hữu đối với khoản đầu tư này được xem xét trên Báo cáo tài chính của Công ty tự lập.
2. Chúng tôi xin lưu ý người đọc Báo cáo tài chính hợp nhất đến Thuyết minh số 10 của Thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất. Tại đó, Tổng Công ty trình bày thông tin liên quan đến khoản vay với Công ty Cổ phần Xây dựng Bắc Nam 79.

Ý kiến của chúng tôi không liên quan đến các vấn đề này.

Vấn đề khác

Báo cáo tài chính hợp nhất cho năm tài chính kết thúc vào ngày 31/12/2024 của Tổng Công ty đã được kiểm toán bởi kiểm toán viên và doanh nghiệp kiểm toán khác. Kiểm toán viên này đã đưa ra ý kiến chấp nhận toàn phần tại báo cáo kiểm toán số 047/VACO/BCKIT.HCM ngày 21/03/2025.



Nguyễn Hà Định

Phó Tổng Giám đốc

Giấy chứng nhận đăng ký hành nghề
kiểm toán số 2883-2024-240-1

Người được ủy quyền

Công ty TNHH Kiểm toán - Thẩm định giá và Tư vấn ECOVIS AFA VIỆT NAM

Đà Nẵng, ngày 17 tháng 03 năm 2026

Cao Đức Trọng

Kiểm toán viên

Giấy chứng nhận đăng ký hành nghề
kiểm toán số 5439-2026-240-1

TỔNG CÔNG TY THỦY SẢN VIỆT NAM – CÔNG TY CỔ PHẦN VÀ CÁC CÔNG TY CON

Địa chỉ: 2-4-6 Đồng Khởi, Phường Sài Gòn, Thành phố Hồ Chí Minh

Mẫu số B 01- DN/HN(Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC
ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)**BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT**

Tại ngày 31/12/2025

Đơn vị tính: VND

TÀI SẢN	Mã số	TM	Tại ngày 31/12/2025	Tại ngày 01/01/2025
A. TÀI SẢN NGẮN HẠN	100		660.562.400.563	582.364.160.355
I. Tiền và các khoản tương đương tiền	110	4.1	26.146.623.338	293.885.854.062
1. Tiền	111		24.104.934.706	18.593.277.181
2. Các khoản tương đương tiền	112		2.041.688.632	275.292.576.881
II. Đầu tư tài chính ngắn hạn	120	4.2	425.559.587.848	126.197.084.903
1. Chứng khoán kinh doanh	121		2.257.388.143	2.257.388.143
2. Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn	123		423.302.199.705	123.939.696.760
III. Các khoản phải thu ngắn hạn	130		57.320.774.207	66.883.139.027
1. Phải thu ngắn hạn của khách hàng	131	4.3	59.257.508.484	60.715.000.842
2. Trả trước cho người bán ngắn hạn	132	4.4	3.970.077.703	7.584.211.493
3. Phải thu ngắn hạn khác	136	4.5	36.171.436.037	33.768.450.221
4. Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi	137	4.6	(55.277.792.199)	(48.384.067.711)
5. Tài sản thiếu chờ xử lý	139	4.7	13.199.544.182	13.199.544.182
IV. Hàng tồn kho	140	4.8	138.771.164.541	92.044.252.902
1. Hàng tồn kho	141		141.545.180.581	95.314.531.112
2. Dự phòng giảm giá hàng tồn kho	149		(2.774.016.040)	(3.270.278.210)
V. Tài sản ngắn hạn khác	150		12.764.250.629	3.353.829.461
1. Chi phí trả trước ngắn hạn	151	4.9	265.738.139	240.475.359
2. Thuế GTGT được khấu trừ	152		10.812.508.738	2.841.189.602
3. Thuế và các khoản khác phải thu Nhà nước	153	4.17	1.686.003.752	272.164.500
B. TÀI SẢN DÀI HẠN	200		2.098.879.737.776	2.004.668.154.277
I. Các khoản phải thu dài hạn	210		4.458.406.227	4.432.461.340
1. Phải thu dài hạn khác	216	4.5	4.481.548.027	4.432.461.340
2. Dự phòng phải thu dài hạn khó đòi	219	4.6	(23.141.800)	-
II. Tài sản cố định	220		69.717.291.811	74.872.818.233
1. Tài sản cố định hữu hình	221	4.10	48.856.099.772	53.358.251.894
Nguyên giá	222		325.072.851.795	330.706.882.858
Giá trị hao mòn lũy kế	223		(276.216.752.023)	(277.348.630.964)
2. Tài sản cố định vô hình	227	4.11	20.861.192.039	21.514.566.339
Nguyên giá	228		33.482.084.042	33.221.748.042
Giá trị hao mòn lũy kế	229		(12.620.892.003)	(11.707.181.703)
III. Bất động sản đầu tư	230	4.12	17.457.929.028	18.181.485.889
1. Nguyên giá	231		41.408.534.246	34.606.805.209
2. Giá trị hao mòn lũy kế	232		(23.950.605.218)	(16.425.319.320)
IV. Tài sản dở dang dài hạn	240		692.974.548.520	692.779.076.321
1. Chi phí sản xuất, kinh doanh dở dang dài hạn	241		-	-
2. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang	242	4.13	692.974.548.520	692.779.076.321
V. Đầu tư tài chính dài hạn	250	4.2	1.307.134.404.931	1.203.314.475.908
1. Đầu tư vào công ty liên doanh, liên kết	252		1.180.731.240.184	1.087.895.550.664
2. Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	253		144.996.110.401	131.851.261.456
3. Dự phòng đầu tư tài chính dài hạn	254		(18.592.945.654)	(16.432.336.212)
VI. Tài sản dài hạn khác	260		7.137.157.259	11.087.836.586
1. Chi phí trả trước dài hạn	261	4.9	4.517.722.439	4.688.397.859
2. Tài sản thuế thu nhập hoãn lại	262		2.619.434.820	6.399.438.727
TỔNG CỘNG TÀI SẢN	270		2.759.442.138.339	2.587.032.314.632

TỔNG CÔNG TY THỦY SẢN VIỆT NAM – CÔNG TY CỔ PHẦN VÀ CÁC CÔNG TY CON

Địa chỉ: 2-4-6 Đồng Khởi, Phường Sài Gòn, Thành phố Hồ Chí Minh

Mẫu số B 01- DN/HN(Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC
ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)**BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT (TIẾP THEO)**

Tại ngày 31/12/2025

Đơn vị tính: VND

NGUỒN VỐN	Mã số	TM	Tại ngày 31/12/2025	Tại ngày 01/01/2025
C. NỢ PHẢI TRẢ	300		194.289.688.408	171.505.536.601
I. Nợ ngắn hạn	310		164.179.071.380	153.945.425.934
1. Phải trả người bán ngắn hạn	311	4.14	6.355.648.698	4.342.854.157
2. Người mua trả tiền trước ngắn hạn	312	4.15	5.422.869.493	4.669.931.999
3. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	313	4.17	3.817.525.617	17.494.728.080
4. Phải trả người lao động	314	4.16	14.793.187.539	11.735.360.137
5. Chi phí phải trả ngắn hạn	315	4.18	26.766.957.638	42.641.499.134
6. Doanh thu chưa thực hiện ngắn hạn	318	4.19	487.320.572	229.309.440
7. Phải trả ngắn hạn khác	319	4.20	18.789.274.348	27.403.301.166
8. Vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn	320	4.21	84.938.075.510	42.616.306.486
9. Quỹ khen thưởng, phúc lợi	322		2.808.211.965	2.812.135.335
II. Nợ dài hạn	330		30.110.617.028	17.560.110.667
1. Phải trả dài hạn khác	337	4.20	25.287.060.000	13.656.560.000
2. Thuế thu nhập hoãn lại phải trả	341		4.823.557.028	3.903.550.667
D. VỐN CHỦ SỞ HỮU	400		2.565.152.449.931	2.415.526.778.031
I. Vốn chủ sở hữu	410	4.22	2.565.152.449.931	2.415.526.778.031
1. Vốn góp của chủ sở hữu	411		1.250.000.000.000	1.250.000.000.000
Cổ phiếu phổ thông có quyền biểu quyết	411a		1.250.000.000.000	1.250.000.000.000
Cổ phiếu ưu đãi	411b		-	-
2. Vốn khác của chủ sở hữu	414		22.509.201	22.509.201
3. Cổ phiếu quỹ	415		(95.950.000)	(95.950.000)
4. Chênh lệch đánh giá lại tài sản	416		(28.944.791.387)	(28.944.791.387)
5. Quỹ đầu tư phát triển	418		25.652.683.264	25.652.683.264
6. Lợi nhuận chưa phân phối	421		1.207.206.559.392	1.076.282.262.974
LNST chưa phân phối lũy kế đến cuối kỳ trước	421a		1.001.419.281.323	905.011.953.467
LNST chưa phân phối kỳ này	421b		205.787.278.069	171.270.309.507
7. Lợi ích cổ đông không kiểm soát	429		111.311.439.461	92.610.063.979
II. Nguồn kinh phí và quỹ khác	430		-	-
TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN	440		2.759.442.138.339	2.587.032.314.632

**Mai Xuân Phong**
Tổng Giám đốc

Hồ Chí Minh, ngày 17 tháng 03 năm 2026

Vũ Thị Hồng Gấm
Kế toán trưởng**Lê Cao Thùy Linh**
Người lập

TỔNG CÔNG TY THỦY SẢN VIỆT NAM – CÔNG TY CỔ PHẦN VÀ CÁC CÔNG TY CON

Địa chỉ: 2-4-6 Đồng Khởi, Phường Sài Gòn, Thành phố Hồ Chí Minh

Mẫu số B 02- DN/HN(Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC
ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)**BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH HỢP NHẤT**


Cho năm tài chính kết thúc tại ngày 31/12/2025

Đơn vị tính: VND

CHỈ TIÊU	Mã số	TM	Năm 2025	Năm 2024
1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	01	5.1	757.351.629.565	601.282.015.871
2. Các khoản giảm trừ doanh thu	02	5.2	91.390.698	60.511.325
3. Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ	10		757.260.238.867	601.221.504.546
4. Giá vốn hàng bán	11	5.3	614.391.454.341	493.890.322.509
5. Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ	20		142.868.784.526	107.331.182.037
6. Doanh thu hoạt động tài chính	21	5.4	28.232.552.587	26.203.130.183
7. Chi phí tài chính	22	5.5	7.712.513.678	7.345.431.105
Trong đó: Chi phí lãi vay	23		4.604.905.945	4.575.329.302
8. Phần lãi hoặc lỗ trong công ty liên kết	24		165.976.953.995	152.848.133.669
9. Chi phí bán hàng	25	5.6	36.456.963.173	31.293.927.094
10. Chi phí quản lý doanh nghiệp	26	5.7	75.206.810.892	77.065.580.365
11. Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh	30		217.702.003.365	170.677.507.325
12. Thu nhập khác	31	5.8	39.359.400.762	4.226.448.701
13. Chi phí khác	32	5.9	18.243.933.123	408.293.700
14. Lợi nhuận khác	40		21.115.467.639	3.818.155.001
15. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	50		238.817.471.004	174.495.662.326
16. Chi phí thuế TNDN hiện hành	51	5.10	5.275.492.993	8.553.016.745
17. Chi phí thuế TNDN hoãn lại	52	5.11	4.700.010.268	(1.766.692.504)
18. Lợi nhuận sau thuế TNDN	60		228.841.967.743	167.709.338.085
19. Lợi nhuận sau thuế của công ty mẹ	61		205.787.278.069	171.270.309.507
20. Lợi nhuận sau thuế của cổ đông không kiểm soát	62		23.054.689.674	(3.560.971.422)
21. Lãi cơ bản trên cổ phiếu	70	4.22.5	1.646	1.321
22. Lãi suy giảm trên cổ phiếu	71	4.22.6	1.646	1.321

**Mai Xuân Phong****Tổng Giám đốc**

Hồ Chí Minh, ngày 17 tháng 03 năm 2026

**Vũ Thị Hồng Gấm****Kế toán trưởng****Lê Cao Thùy Linh****Người lập**

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ HỢP NHẤT
(Theo phương pháp gián tiếp)

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2025

Đơn vị tính: VND

CHỈ TIÊU	Mã số	TM	Năm 2025	Năm 2024
I. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH				
1. Lợi nhuận trước thuế	01		238.817.471.004	174.495.662.326
2. Điều chỉnh cho các khoản				
Khấu hao TSCĐ và BĐSĐT	02		8.897.476.829	9.030.650.080
Các khoản dự phòng	03		8.581.213.560	7.980.373.806
Lãi, lỗ chênh lệch tỷ giá hối đoái do đánh giá lại các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ	04		71.749.694	369.919.153
Lãi, lỗ từ hoạt động đầu tư	05		(172.531.905.347)	(173.513.250.457)
Chi phí lãi vay	06		4.604.905.945	4.575.329.302
3. Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh trước những thay đổi vốn lưu động	08		88.440.911.685	22.938.684.210
Tăng, giảm các khoản phải thu	09		(3.468.146.294)	3.950.858.319
Tăng, giảm hàng tồn kho	10		(46.224.476.189)	78.867.465.907
Tăng, giảm các khoản phải trả (Không kể lãi vay phải trả, thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp)	11		(18.404.431.735)	(7.456.340.865)
Tăng, giảm chi phí trả trước	12		145.412.640	(1.486.320.985)
Tiền lãi vay đã trả	14		(4.556.937.777)	(4.627.143.727)
Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp	15		(7.376.515.344)	(9.498.581.661)
Tiền chi khác từ hoạt động kinh doanh	17		(7.485.941.108)	(8.533.823.599)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh	20		1.069.875.878	74.154.797.599
II. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG ĐẦU TƯ				
1. Tiền chi để mua sắm XD TSCĐ và các TS DH khác	21		(4.344.357.576)	(356.753.889)
2. Tiền thu từ TLÝ, nhượng bán TSCĐ và các TS DH khác	22		176.697.433	454.952.693
3. Tiền chi cho vay, mua các công cụ nợ của đơn vị khác	23		(450.331.656.169)	(116.455.981.737)
4. Tiền thu hồi cho vay, bán lại các CC nợ của đơn vị khác	24		150.969.153.224	181.332.593.303
5. Tiền thu lãi cho vay, cổ tức và lợi nhuận được chia	27		64.159.541.189	61.133.133.226
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư	30		(239.370.621.899)	126.107.943.596
III. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH				
1. Tiền thu từ đi vay	33	6.1	508.939.929.096	335.336.042.886
2. Tiền trả nợ gốc vay	34	6.2	(466.618.160.072)	(406.825.296.500)
3. Cổ tức, lợi nhuận đã trả cho chủ sở hữu	36		(71.720.969.150)	(67.350.054.500)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính	40		(29.399.200.126)	(138.839.308.114)
LƯU CHUYỂN THUẦN TRONG NĂM (50 = 20+30+40)	50		(267.699.946.147)	61.423.433.081
Tiền và tương đương tiền đầu năm	60		293.885.854.062	232.406.098.917
Ảnh hưởng của thay đổi tỷ giá hối đoái quy đổi ngoại tệ	61		(39.284.577)	56.322.064
TIỀN VÀ TƯƠNG ĐƯƠNG TIỀN CUỐI NĂM	70		26.146.623.338	293.885.854.062
(70=60+60+61)				

Mai Xuân Phong
Tổng Giám đốc

Hồ Chí Minh, ngày 17 tháng 03 năm 2026

Vũ Thị Hồng Gấm
Kế toán trưởngLê Cao Thủy Linh
Người lập

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

1. ĐẶC ĐIỂM HOẠT ĐỘNG CỦA CÔNG TY

1.1. Hình thức sở hữu vốn

Tổng Công ty Thủy sản Việt Nam – Công ty cổ phần là doanh nghiệp được cổ phần hóa từ doanh nghiệp Nhà nước là Tổng Công ty Thủy sản Việt Nam – Công ty TNHH MTV theo quyết định số 1880/QĐ-TT ngày 17 tháng 10 năm 2014 của Thủ tướng Chính phủ. Công ty được thành lập và hoạt động theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp số 0310745210 ngày 31 tháng 03 năm 2011 do Sở Kế hoạch và Đầu tư Thành phố Hồ Chí Minh cấp và các Giấy phép thay đổi sau đó với lần thay đổi gần đây nhất là vào ngày 11 tháng 08 năm 2025.

Tổng Công ty chính thức được cấp phép đăng ký giao dịch chứng khoán tại thị trường Upcom theo Quyết định số 2893/UBCK-QLPH ngày 08 tháng 06 năm 2015 với mã chứng khoán SEA.

Vốn điều lệ theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp là 1.250.000.000.000 VND.

Trụ sở chính đăng ký hoạt động kinh doanh của Tổng Công ty được đặt tại 2-4-6 Đồng Khởi, Phường Sài Gòn, Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam.

Tổng số nhân viên của Tổng Công ty và các Công ty con tại ngày 31 tháng 12 năm 2025 là: 525 (31 tháng 12 năm 2024 là: 586).

1.2. Lĩnh vực kinh doanh

Thương mại, sản xuất và chế biến thủy hải sản.

1.3. Ngành nghề kinh doanh

Theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp, ngành nghề kinh doanh chính của Tổng Công ty là:

- Kinh doanh bất động sản, quyền sử dụng đất thuộc chủ sở hữu, chủ sử dụng hoặc đi thuê;
- Khai thác thủy sản biển;
- Khai thác thủy sản nội địa;
- Nuôi trồng thủy sản biển;
- Nuôi trồng thủy sản nội địa;
- Sản xuất giống thủy sản;
- Chế biến, bảo quản thịt và các sản phẩm từ thịt (không hoạt động tại trụ sở);
- Chế biến, bảo quản thủy sản và các sản phẩm từ thủy sản (không hoạt động tại trụ sở);
- Sản xuất thức ăn gia súc, gia cầm và thủy sản (không hoạt động tại trụ sở);
- Bán buôn nông, lâm sản nguyên liệu (trừ gỗ, tre, nứa) và động vật sống (không hoạt động tại trụ sở);
- Bán buôn thực phẩm (không hoạt động tại trụ sở);
- Bán lẻ thực phẩm trong các cửa hàng chuyên doanh (thực hiện theo Quyết định số 64/2009/QĐ-UBND ngày 31/07/2009 và Quyết định số 79/2009/QĐ-UBND ngày 17/10/2009 của Ủy ban nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh về phê duyệt Quy hoạch kinh doanh nông sản, thực phẩm trên địa bàn Thành phố Hồ Chí Minh);
- Vận tải hàng hóa bằng đường bộ;
- Vận tải hàng hóa đường thủy nội địa;

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (TIẾP THEO)

- Kho bãi và lưu giữ hàng hóa;
- Hoạt động dịch vụ hỗ trợ trực tiếp cho vận tải đường thủy;
- Bốc xếp hàng hóa;
- Hoạt động hỗ trợ dịch vụ khác liên quan đến vận tải (trừ hóa lỏng khí để vận chuyển, kinh doanh bến bãi xe ô tô, vận tải hàng không);

1.4. Chu kỳ sản xuất, kinh doanh thông thường

Chu kỳ sản xuất kinh doanh thông thường của Tổng Công ty là 12 tháng.

1.5. Các công ty con được hợp nhất

STT	Tên	Địa chỉ	Tỷ lệ quyền biểu quyết	Tỷ lệ vốn góp	Tỷ lệ lợi ích
1.	Công ty Cổ phần Xuất nhập khẩu Thủy sản Hà Nội	Số 20 Láng Hạ, Phường Láng, Thành phố Hà Nội	59.34%	59.34%	59.34%
2.	Công ty Cổ phần Xuất nhập khẩu Thủy sản Năm Căn	Khu vực 1, khóm 3, Phường Đất Mới, Tỉnh Cà Mau	50.83%	50.83%	50.83%
3.	Công ty Cổ phần Cơ khí Đóng tàu Thủy sản Việt Nam	Số 02 Phan Đình Phùng, phường Hồng Bàng, Thành phố Hải Phòng	62.37%	62.37%	62.37%

1.6. Các công ty liên kết quan trọng được phản ánh trong báo cáo tài chính hợp nhất theo phương pháp vốn chủ sở hữu

STT	Tên	Địa chỉ	Tỷ lệ quyền biểu quyết	Tỷ lệ vốn góp	Tỷ lệ lợi ích
1.	Công ty Cổ phần Công nghiệp Thủy sản	Số 244 Bùi Văn Ba, Phường Tân Thuận, TP. Hồ Chí Minh.	47,90%	47,90%	47,90%
2.	Công ty Cổ phần Xuất nhập khẩu Thủy sản Miền Trung	Số 01 Bùi Quốc Hưng, phường Sơn Trà, TP. Đà Nẵng.	36,40%	36,40%	36,40%
3.	Công ty Cổ phần Đồ hộp Hạ Long	Số 71 Lê Lai, phường Ngô Quyền, TP. Hải Phòng.	27,75%	27,75%	27,75%
4.	Công ty Cổ phần Thủy sản số 4	Số 320 Hưng Phú, Phường Chánh Hưng, TP. Hồ Chí Minh.	27,08%	27,08%	27,08%
5.	Công ty Cổ phần Thủy sản số 5	100/26 Bình Thới, Phường Hòa Bình, TP Hồ Chí Minh.	22,59%	22,59%	22,59%
6.	Công ty Cổ phần Việt Pháp Sản xuất Thức ăn gia súc Proconco	Đường số 9, KCN Biên Hòa 1, Phường Trần Biên, Tỉnh Đồng Nai.	22,08%	22,08%	22,08%
7.	Công ty Liên doanh Thủy sản Việt Nga	Trần Nãi, Phường An Khánh, TP. Hồ Chí Minh	50,00%	50,00%	50,00%
8.	Công ty Cổ phần Đóng sửa tàu Nhà Bè	Số 16/8B Bùi Văn Ba, Phường, Tân Thuận, TP. Hồ Chí Minh.	26,46%	26,46%	26,46%
9.	Công ty Cổ phần Dịch vụ Nuôi trồng Thủy sản Hạ Long	Số 8 Nguyễn Công Hoan, Phường Giảng Võ, TP. Hà Nội.	20,00%	20,00%	20,00%

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (TIẾP THEO)

1.7. Tuyên bố về khả năng so sánh thông tin trên Báo cáo tài chính hợp nhất

Số liệu so sánh là số liệu của Báo cáo tài chính hợp nhất đã được kiểm toán cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2024.

2. CƠ SỞ LẬP BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

2.1. Chuẩn mực và Chế độ kế toán áp dụng

Báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo được trình bày bằng Đồng Việt Nam ("VND"), theo nguyên tắc giá gốc và phù hợp với các chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định hiện hành khác về kế toán tại Việt Nam.

Báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo không nhằm phản ánh tình hình tài chính, kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ theo các nguyên tắc và thông lệ kế toán được chấp nhận chung tại các nước khác ngoài Việt Nam.

2.2. Hình thức sổ kế toán áp dụng

Tổng Công ty áp dụng hình thức kế toán Nhật ký chung.

2.3. Kỳ kế toán

Kỳ kế toán năm của Tổng Công ty bắt đầu từ ngày 01 tháng 01 và kết thúc ngày 31 tháng 12.

2.4. Đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán

Đơn vị tiền tệ sử dụng trong ghi chép kế toán là VND.

2.5. Cơ sở hợp nhất

Báo cáo tài chính hợp nhất là báo cáo tài chính của Tổng Công ty mà trong đó tài sản, nợ, nguồn vốn, doanh thu, chi phí và dòng tiền của công ty mẹ và các công ty con được trình bày như một doanh nghiệp độc lập không tính đến ranh giới pháp lý của các công ty riêng biệt. Các báo cáo tài chính của công ty con đã được lập cho cùng năm tài chính với công ty mẹ theo các chính sách kế toán thống nhất với các chính sách kế toán của công ty mẹ. Các bút toán điều chỉnh đã được thực hiện đối với bất kỳ chính sách kế toán nào có điểm khác biệt nhằm đảm bảo tính thống nhất giữa các công ty con và công ty mẹ.

Các công ty con được hợp nhất toàn bộ kể từ ngày mua là ngày Tổng Công ty thực sự nắm quyền kiểm soát công ty con và tiếp tục được hợp nhất cho đến ngày Tổng Công ty thực sự chấm dứt quyền kiểm soát đối với công ty con, trừ trường hợp quyền kiểm soát của Tổng Công ty chỉ là tạm thời khi công ty con chỉ được mua và nắm giữ cho mục đích bán lại trong thời gian không quá 12 tháng.

Phương pháp ghi nhận lợi ích của cổ đông không kiểm soát

Lợi ích của cổ đông không kiểm soát trong thu nhập thuần và tài sản thuần của công ty con được trình bày riêng biệt trên báo cáo kết quả kinh doanh hợp nhất và bảng cân đối kế toán hợp nhất.

Các khoản lỗ phát sinh tại công ty con được phân bổ tương ứng với phần sở hữu của cổ đông không kiểm soát, kể cả trường hợp số lỗ đó lớn hơn phần sở hữu của cổ đông không kiểm soát trong tài sản thuần của công ty con.

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (TIẾP THEO)

Phương pháp kế toán ghi nhận lãi, lỗ khi có sự thay đổi tỷ lệ sở hữu tại công ty con

Các thay đổi về tỷ lệ sở hữu của Tổng Công ty trong công ty con không đưa đến việc mất kiểm soát của Tổng Công ty được hạch toán là giao dịch về vốn. Giá trị ghi sổ của Tổng Công ty và lợi ích của cổ đông không kiểm soát được điều chỉnh để phản ánh sự thay đổi về tỷ lệ sở hữu tương ứng trong công ty con đó. Chênh lệch do điều chỉnh lợi ích của cổ đông không kiểm soát và giá trị hợp lý của khoản thanh toán được ghi nhận trực tiếp vào lợi nhuận sau thuế chưa phân phối của bảng cân đối kế toán hợp nhất.

Ngay khi mất quyền kiểm soát công ty con, lãi lỗ của Tổng Công ty được xác định là chênh lệch giữa số thu từ việc thoái vốn với giá trị tài sản thuần chuyển nhượng tại thời điểm mất quyền kiểm soát cộng với giá trị lợi thế thương mại chưa phân bổ hết được ghi nhận vào báo cáo kết quả kinh doanh hợp nhất.

Phương pháp loại trừ giao dịch nội bộ

Tất cả các sổ dư và các giao dịch nội bộ, kể cả các khoản lãi chưa thực hiện phát sinh từ các giao dịch nội bộ được loại trừ hoàn toàn khi hợp nhất. Các khoản lỗ chưa thực hiện cũng được loại trừ trên báo cáo tài chính hợp nhất, trừ trường hợp chi phí gây ra khoản lỗ đó không thể thu hồi.

3. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU ĐƯỢC ÁP DỤNG

3.1. Ngoại tệ

Các nghiệp vụ phát sinh bằng ngoại tệ được hạch toán theo tỷ giá hối đoái giao dịch thực tế vào ngày phát sinh nghiệp vụ. Các khoản chênh lệch tỷ giá phát sinh trong quá trình thanh toán được ghi nhận trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất trong năm. Số dư các khoản mục tiền, nợ phải thu, nợ phải trả có gốc ngoại tệ, ngoại trừ số dư các khoản trả trước cho người bán bằng ngoại tệ, số dư chi phí trả trước bằng ngoại tệ và số dư doanh thu nhận trước bằng ngoại tệ, được chuyển đổi sang đồng tiền hạch toán theo tỷ giá hối đoái giao dịch thực tế tại ngày lập bảng cân đối kế toán hợp nhất. Chênh lệch tỷ giá hối đoái phát sinh do đánh giá lại số dư ngoại tệ cuối kỳ sau khi bù trừ tăng giảm được hạch toán vào kết quả kinh doanh hợp nhất trong năm.

3.2. Các ước tính kế toán

Việc lập báo cáo tài chính hợp nhất yêu cầu Ban Tổng Giám đốc phải có những ước tính và giả định có ảnh hưởng đến các số liệu về tài sản, nợ phải trả và việc trình bày các tài sản và nợ tiềm tàng tại ngày 31 tháng 12 năm 2025, cũng như các khoản doanh thu, chi phí trong suốt kỳ kế toán. Mặc dù các ước tính kế toán được lập bằng tất cả sự hiểu biết của Ban Tổng Giám đốc, số thực tế phát sinh có thể khác với các ước tính, giả định đặt ra.

3.3. Tiền và các khoản tương đương tiền

Tiền và các khoản tương đương tiền bao gồm tiền mặt tại quỹ, tiền gửi ngân hàng, tiền đang chuyển, các khoản đầu tư ngắn hạn có thời hạn thu hồi không quá 3 tháng kể từ ngày đầu tư, có tính thanh khoản cao, có khả năng chuyển đổi dễ dàng thành một lượng tiền xác định và không có nhiều rủi ro trong việc chuyển đổi thành tiền tại thời điểm báo cáo.

3.4. Đầu tư tài chính

Chứng khoán kinh doanh

Chứng khoán kinh doanh là các khoản chứng khoán và các công cụ tài chính khác nắm giữ vì mục đích kinh doanh (nắm giữ với mục đích chờ tăng giá để bán ra kiếm lời) tại thời điểm báo cáo.

Chứng khoán kinh doanh được ghi nhận theo giá gốc. Giá gốc của chứng khoán kinh doanh bao gồm: Giá mua và các chi phí mua như chi phí môi giới, giao dịch, cung cấp thông tin, thuế, lệ phí và phí ngân hàng. Giá gốc của chứng khoán kinh doanh được xác định theo giá trị hợp lý của các khoản thanh toán tại thời điểm giao dịch phát sinh.

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (TIẾP THEO)

Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn

Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn gồm các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn với mục đích thu lãi hàng kỳ, và các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn khác.

Khi có bằng chứng chắc chắn cho thấy một phần hay toàn bộ khoản đầu tư có thể không thu hồi được thì số tổn thất đó được ghi nhận vào chi phí tài chính trong năm.

Các khoản đầu tư vốn vào đơn vị khác

Đầu tư vào công ty con

Khoản đầu tư được phân loại là đầu tư vào công ty con khi Tổng Công ty có quyền kiểm soát các chính sách và hoạt động, thường thể hiện qua việc nắm giữ hơn 50% quyền biểu quyết.

Các khoản đầu tư vào công ty con được phản ánh theo giá gốc, bao gồm giá mua và các chi phí liên quan trực tiếp đến việc đầu tư (nếu có). Trường hợp đầu tư bằng tài sản phi tiền tệ, giá phí của các khoản đầu tư được ghi nhận theo giá trị hợp lý của tài sản phi tiền tệ tại thời điểm phát sinh.

Cổ tức, lợi nhuận được chia cho giai đoạn sau ngày đầu tư được ghi nhận vào doanh thu hoạt động tài chính theo giá trị hợp lý tại ngày được quyền nhận.

Đầu tư vào công ty liên kết

Khoản đầu tư được phân loại là đầu tư vào công ty liên kết khi Tổng Công ty nắm giữ trực tiếp hoặc gián tiếp từ 20% đến dưới 50% quyền biểu quyết của bên nhận đầu tư mà không có thỏa thuận khác.

Các khoản đầu tư vào công ty liên kết được ghi nhận theo phương pháp vốn chủ sở hữu. Theo phương pháp vốn chủ sở hữu, khoản đầu tư vào công ty liên kết ban đầu được ghi nhận theo giá gốc. Trường hợp đầu tư bằng tài sản phi tiền tệ, giá phí của các khoản đầu tư được ghi nhận theo giá trị hợp lý của tài sản phi tiền tệ tại thời điểm phát sinh. Sau đó, giá trị của khoản đầu tư được điều chỉnh tăng giảm tương ứng với phần sở hữu của Tổng Công ty trong lãi lỗ của công ty liên kết sau ngày mua.

Các khoản phân phối từ công ty liên kết sau ngày mua được ghi giảm giá trị của khoản đầu tư.

Đầu tư vào công ty liên doanh

Khoản đầu tư được phân loại là đầu tư vào công ty liên doanh khi Tổng Công ty có quyền đồng kiểm soát các chính sách tài chính và hoạt động của bên nhận đầu tư.

Các khoản đầu tư vào công ty liên doanh được ghi nhận theo phương pháp vốn chủ sở hữu. Theo phương pháp vốn chủ sở hữu, khoản đầu tư vào công ty liên kết ban đầu được ghi nhận theo giá gốc. Trường hợp đầu tư bằng tài sản phi tiền tệ, giá phí của các khoản đầu tư được ghi nhận theo giá trị hợp lý của tài sản phi tiền tệ tại thời điểm phát sinh. Sau đó, giá trị của khoản đầu tư được điều chỉnh tăng giảm tương ứng với phần sở hữu của Tổng Công ty trong lãi lỗ của công ty liên doanh sau ngày mua.

Các khoản phân phối từ công ty liên doanh sau ngày mua được ghi giảm giá trị của khoản đầu tư.

Đầu tư khác

Khoản đầu tư được phân loại là đầu tư khác là các khoản đầu tư ngoài các khoản đầu tư vào công ty con, đầu tư vào công ty liên doanh, và đầu tư vào công ty liên kết.

Các khoản đầu tư khác được phản ánh theo giá gốc, bao gồm giá mua và các chi phí liên quan trực tiếp đến việc đầu tư (nếu có). Trường hợp đầu tư bằng tài sản phi tiền tệ, giá phí của các khoản đầu tư được ghi nhận theo giá trị hợp lý của tài sản phi tiền tệ tại thời điểm phát sinh.

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (TIẾP THEO)

Phương pháp lập dự phòng tổn thất đầu tư khác

Dự phòng cho việc giảm giá trị của các khoản đầu tư được lập khi có bằng chứng chắc chắn cho thấy có sự suy giảm giá trị của các khoản đầu tư này vào ngày kết thúc năm tài chính.

Tăng hoặc giảm số dư dự phòng được hạch toán vào chi phí tài chính trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất.

3.5. Nợ phải thu

Nguyên tắc ghi nhận

Các khoản phải thu được trình bày theo giá trị ghi sổ của các khoản phải thu khách hàng và phải thu khác sau khi trừ đi các khoản dự phòng được lập cho các khoản nợ phải thu khó đòi.

Nguyên tắc dự phòng phải thu khó đòi

Tại thời điểm lập báo cáo tài chính hợp nhất, dự phòng nợ phải thu khó đòi được lập cho các khoản nợ phải thu đã quá hạn thanh toán và các khoản nợ phải thu chưa đến hạn thanh toán nhưng có khả năng không thu hồi được đúng hạn với mức trích lập phù hợp với các quy định hiện hành. Việc xác định thời gian quá hạn của khoản nợ phải thu được xác định là khó đòi phải trích lập dự phòng được căn cứ vào thời gian trả nợ gốc theo hợp đồng mua, bán ban đầu, không tính đến việc gia hạn nợ giữa các bên.

Tăng hoặc giảm số dư tài khoản dự phòng được hạch toán vào chi phí quản lý doanh nghiệp trên báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất.

3.6. Hàng tồn kho

Nguyên tắc ghi nhận hàng tồn kho

Hàng tồn kho được xác định trên cơ sở giá thấp hơn giữa giá gốc và giá trị thuần có thể thực hiện được.

Giá gốc hàng tồn kho bao gồm chi phí mua, chi phí chế biến và các chi phí khác để mang hàng tồn kho đến đúng điều kiện và địa điểm hiện tại của chúng. Trong trường hợp các sản phẩm được sản xuất, giá gốc bao gồm tất cả các chi phí nguyên vật liệu trực tiếp, chi phí nhân công trực tiếp và chi phí sản xuất chung dựa trên tình hình hoạt động bình thường.

Chi phí mua của hàng tồn kho bao gồm giá mua, các loại thuế không được hoàn lại, chi phí vận chuyển, bốc xếp, bảo quản trong quá trình mua hàng và các chi phí khác có liên quan trực tiếp đến việc mua hàng tồn kho. Các khoản chiết khấu thương mại và giảm giá hàng mua do hàng mua không đúng quy cách, phẩm chất được trừ (-) khỏi chi phí mua.

Giá trị thuần có thể thực hiện được được xác định bằng giá bán ước tính trừ các chi phí ước tính để hoàn thành sản phẩm cùng chi phí tiếp thị, bán hàng và phân phối phát sinh.

Phương pháp xác định giá trị hàng tồn kho

Giá gốc của hàng tồn kho được xác định theo phương pháp nhập trước xuất trước.

Phương pháp hạch toán hàng tồn kho

Hàng tồn kho được hạch toán theo phương pháp kê khai thường xuyên.

Phương pháp lập dự phòng giảm giá hàng tồn kho

Tại ngày lập báo cáo tài chính hợp nhất, dự phòng giảm giá hàng tồn kho được trích lập cho hàng tồn kho bị hư hỏng, kém phẩm chất, lỗi thời, chậm luân chuyển và hàng tồn kho có giá gốc ghi trên sổ kế toán cao hơn giá trị thuần có thể thực hiện.

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (TIẾP THEO)

Số tăng hoặc giảm dự phòng giảm giá hàng tồn kho được hạch toán vào giá vốn hàng bán trên báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất.

Dự phòng giảm giá hàng tồn kho được thực hiện trên cơ sở từng mặt hàng tồn kho. Đối với dịch vụ cung cấp dở dang, việc lập dự phòng giảm giá hàng tồn kho được tính theo từng loại dịch vụ có mức giá riêng biệt.

3.7. Tài sản cố định hữu hình

Tài sản cố định hữu hình được thể hiện theo nguyên giá trừ đi giá trị hao mòn lũy kế.

Nguyên tắc ghi nhận và xác định giá trị ban đầu

Nguyên giá tài sản cố định hữu hình bao gồm giá mua và toàn bộ các chi phí liên quan trực tiếp đến việc đưa tài sản vào trạng thái sẵn sàng sử dụng. Trường hợp mua tài sản cố định được kèm thêm thiết bị, phụ tùng thay thế thì xác định và ghi nhận riêng thiết bị, phụ tùng thay thế theo giá trị hợp lý và được trừ (-) khỏi nguyên giá tài sản cố định hữu hình.

Phương pháp khấu hao

Nguyên giá tài sản cố định hữu hình được khấu hao theo phương pháp đường thẳng trong suốt thời gian hữu dụng dự tính của tài sản.

Thời gian khấu hao ước tính cho một số nhóm tài sản như sau:

	<u>Số năm khấu hao</u>
▪ Nhà cửa, vật kiến trúc	03 – 40 năm
▪ Máy móc thiết bị	03 – 15 năm
▪ Phương tiện vận tải truyền dẫn	05 – 10 năm
▪ Thiết bị, dụng cụ quản lý	03 – 10 năm

3.8. Tài sản cố định vô hình

Tài sản cố định vô hình được thể hiện theo nguyên giá trừ đi giá trị hao mòn lũy kế.

Nguyên tắc ghi nhận và xác định giá trị ban đầu

Nguyên giá là toàn bộ các chi phí mà doanh nghiệp bỏ ra để có được tài sản cố định vô hình tính đến thời điểm đưa tài sản đó vào trạng thái sử dụng theo dự tính.

Nguyên tắc kế toán các tài sản cố định vô hình

Quyền sử dụng đất

Quyền sử dụng đất được trình bày theo nguyên giá trừ đi giá trị hao mòn lũy kế. Quyền sử dụng đất được khấu hao theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian sử dụng lô đất, quyền sử dụng đất không thời hạn thì không trích khấu hao,

Quyền sử dụng đất của Tổng Công ty gồm:

- Quyền sử dụng đất tại lô C2 KCN Sóng Thần 2;
- Quyền sử dụng đất tại Khóm 3, phường Năm Căn, tỉnh Cà Mau;
- Quyền sử dụng đất thuộc Công ty CP Xuất nhập khẩu Thủy sản Hà Nội.

Phần mềm máy tính

Phần mềm máy vi tính không phải là cấu phần không thể thiếu của phần cứng thì được ghi nhận như tài sản cố định vô hình và được khấu hao theo thời gian sử dụng hữu ích.

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (TIẾP THEO)

3.9. Bất động sản đầu tư

Bất động sản đầu tư được thể hiện theo nguyên giá trừ đi giá trị hao mòn lũy kế. Đối với bất động sản đầu tư nắm giữ chờ tăng giá, Tổng Công ty không trích khấu hao mà xác định tổn thất do giảm giá trị.

Nguyên tắc ghi nhận bất động sản đầu tư

Nguyên giá bất động sản đầu tư là toàn bộ các chi phí bằng tiền hoặc tương đương tiền mà doanh nghiệp phải bỏ ra hoặc giá trị hợp lý của các khoản đưa ra để trao đổi nhằm có được bất động sản đầu tư tính đến thời điểm mua hoặc xây dựng hình thành bất động sản đầu tư đó. Nguyên giá của bất động sản đầu tư bao gồm cả các chi phí giao dịch liên quan trực tiếp ban đầu.

Phương pháp khấu hao bất động sản đầu tư

Bất động sản đầu tư được khấu hao theo phương pháp đường thẳng.

Thời gian khấu hao ước tính cho một số nhóm bất động sản đầu tư như sau:

	<u>Số năm khấu hao</u>
▪ Nhà cửa, vật kiến trúc	05 – 40 năm

3.10. Thuê tài sản

Phân loại thuê tài sản

Thuê tài chính là thuê tài sản mà bên cho thuê có sự chuyển giao phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu của tài sản cho bên thuê. Tất cả các khoản thuê khác được phân loại là thuê hoạt động.

Thuê hoạt động

Các khoản thanh toán tiền thuê hoạt động được ghi nhận là chi phí sản xuất, kinh doanh theo phương pháp đường thẳng cho suốt thời hạn thuê tài sản.

3.11. Cho thuê tài sản

Cho thuê hoạt động

Tài sản cho thuê hoạt động được ghi nhận trên bảng cân đối kế toán hợp nhất theo cách phân loại tài sản của Tổng Công ty.

Chi phí trực tiếp ban đầu để tạo ra doanh thu từ nghiệp vụ cho thuê hoạt động được ghi nhận ngay vào chi phí trong năm khi phát sinh/phân bổ dần vào chi phí trong suốt thời hạn cho thuê theo thời hạn của hợp đồng thuê. Doanh thu cho thuê hoạt động được hạch toán vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất trong năm theo phương pháp đường thẳng trong suốt thời hạn thuê, không phụ thuộc vào phương thức thanh toán.

Khấu hao tài sản cho thuê hoạt động được thực hiện trên cơ sở nhất quán với chính sách khấu hao của bên cho thuê áp dụng đối với những tài sản tương tự.

3.12. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang

Các tài sản đang trong quá trình xây dựng phục vụ mục đích sản xuất, cho thuê, quản lý hoặc cho các mục đích khác được ghi nhận theo giá gốc. Chi phí này bao gồm các chi phí cần thiết để hình thành tài sản bao gồm chi phí xây lắp, thiết bị, chi phí khác và chi phí lãi vay có liên quan phù hợp với chính sách kế toán của Tổng Công ty.

Các chi phí này sẽ được chuyển sang là nguyên giá tài sản cố định theo giá tạm tính (nếu chưa có quyết toán được phê duyệt) khi các tài sản được bàn giao đưa vào sử dụng.

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (TIẾP THEO)

Theo quy định về quản lý đầu tư và xây dựng của Nhà nước, tùy theo phân cấp quản lý, giá trị quyết toán các công trình xây dựng cơ bản hoàn thành cần được các cơ quan có thẩm quyền phê duyệt. Do đó, giá trị cuối cùng về giá trị các công trình xây dựng cơ bản có thể thay đổi và phụ thuộc vào quyết toán được phê duyệt bởi các cơ quan có thẩm quyền.

3.13. Chi phí trả trước

Chi phí trả trước bao gồm các chi phí trả trước ngắn hạn và chi phí trả trước dài hạn trên bảng cân đối kế toán hợp nhất và chủ yếu là chi phí liên quan đến giá vốn công cụ, dụng cụ và chi phí sửa chữa, chi phí bảo hiểm. Các khoản này được phân bổ trong thời gian trả trước của chi phí hoặc trong khoảng thời gian mà lợi ích kinh tế được dự kiến tạo ra.

Các loại chi phí sau đây được hạch toán vào chi phí trả trước để phân bổ dần vào kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất:

- Tiền thuê đất, thuê cơ sở hạ tầng, thuê tài sản cố định trả trước được phân bổ theo thời hạn thuê;
- Công cụ dụng cụ đã xuất dùng được phân bổ theo phương pháp đường thẳng trong thời gian từ 1 đến 3 năm;
- Các chi phí sửa chữa, chi phí bảo hiểm,... được phân bổ theo phương pháp đường thẳng trong thời gian mà lợi ích kinh tế được dự kiến tạo ra.

3.14. Nợ phải trả

Nợ phải trả được phân loại là phải trả người bán và phải trả khác theo nguyên tắc: Phải trả người bán là khoản phải trả có tính chất thương mại phát sinh từ giao dịch mua bán hàng hóa, dịch vụ, tài sản và người bán là đơn vị độc lập với người mua; Các khoản phải trả còn lại được phân loại là phải trả khác.

Các khoản nợ phải trả được theo dõi theo kỳ hạn gốc, kỳ hạn còn lại tại thời điểm báo cáo, theo nguyên tệ và theo từng đối tượng.

Nợ phải trả được ghi nhận không thấp hơn nghĩa vụ phải thanh toán.

3.15. Chi phí đi vay

Nguyên tắc vốn hóa chi phí đi vay

Chi phí đi vay liên quan trực tiếp đến việc mua, đầu tư xây dựng hoặc sản xuất những tài sản cần một thời gian tương đối dài để hoàn thành đưa vào sử dụng hoặc kinh doanh được vốn hóa vào nguyên giá tài sản cho đến khi tài sản đó được đưa vào sử dụng hoặc kinh doanh.

Các khoản thu nhập phát sinh từ việc đầu tư tạm thời các khoản vay được ghi giảm nguyên giá tài sản có liên quan.

Tất cả các chi phí lãi vay khác được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất khi phát sinh.

3.16. Chi phí phải trả

Các khoản chi phí phải trả được ghi nhận cho giá trị phải trả trong tương lai liên quan đến hàng hóa, dịch vụ đã nhận được từ người bán trong kỳ báo cáo nhưng thực tế chưa chi trả do chưa có hóa đơn hoặc chưa đủ hồ sơ, tài liệu kế toán, được ghi nhận vào chi phí sản xuất, kinh doanh của kỳ báo cáo.

3.17. Doanh thu chưa thực hiện

Doanh thu chưa thực hiện bao gồm doanh thu nhận trước về số tiền của khách hàng đã trả trước cho một hoặc nhiều kỳ kế toán về cho thuê tài sản.

Hàng kỳ tính, xác định và kết chuyển doanh thu chưa thực hiện vào doanh thu trong kỳ.

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (TIẾP THEO)

3.18. Nguồn vốn chủ sở hữu

Vốn góp của chủ sở hữu

Vốn góp của chủ sở hữu được ghi nhận theo số vốn thực góp của chủ sở hữu.

Cổ phiếu quỹ

Cổ phiếu quỹ được ghi nhận theo giá mua và được trình bày như một khoản giảm vốn chủ sở hữu trên bảng cân đối kế toán hợp nhất.

Thặng dư vốn cổ phần

Thặng dư vốn cổ phần được ghi nhận theo phần chênh lệch giữa giá phát hành và mệnh giá cổ phiếu, chênh lệch giữa giá mua lại cổ phiếu quỹ và giá tái phát hành cổ phiếu quỹ.

Cổ tức

Cổ tức được ghi nhận là một khoản phải trả vào ngày công bố cổ tức.

Quỹ dự trữ

Các quỹ dự trữ từ lợi nhuận sau thuế được trích lập theo qui định trong Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông thường niên.

Phân phối lợi nhuận

Lợi nhuận thuần sau thuế thu nhập doanh nghiệp có thể được phân phối cho các cổ đông sau khi được Đại hội đồng cổ đông thông qua và sau khi đã trích lập các quỹ dự phòng theo Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông thường niên.

3.19. Doanh thu và thu nhập khác

Doanh thu bán hàng

Doanh thu bán hàng được xác định theo giá trị hợp lý của các khoản đã thu hoặc sẽ thu được. Trong hầu hết các trường hợp doanh thu được ghi nhận khi chuyển giao cho người mua phần lớn rủi ro và lợi ích kinh tế gắn liền với quyền sở hữu hàng hóa.

Doanh thu cung cấp dịch vụ

Doanh thu về cung cấp dịch vụ được ghi nhận khi kết quả của giao dịch đó được xác định một cách đáng tin cậy. Trường hợp giao dịch về cung cấp dịch vụ liên quan đến nhiều kỳ thì doanh thu được ghi nhận trong kỳ theo kết quả phản công việc hoàn thành vào ngày lập bảng cân đối kế toán hợp nhất của kỳ đó.

Lãi tiền gửi

Lãi tiền gửi được ghi nhận trên cơ sở dồn tích, được xác định trên số dư các tài khoản tiền gửi và lãi suất áp dụng.

3.20. Các khoản giảm trừ doanh thu

Các khoản giảm trừ doanh thu gồm: Chiết khấu thương mại, giảm giá hàng bán và hàng bán bị trả lại.

Các khoản giảm trừ doanh thu phát sinh cùng kỳ tiêu thụ sản phẩm, hàng hóa dịch vụ được điều chỉnh giảm doanh thu của kỳ phát sinh; Các khoản giảm trừ doanh thu phát sinh vào kỳ sau nhưng trước thời điểm phát hành báo cáo tài chính thì được điều chỉnh giảm doanh thu của kỳ lập báo cáo; Các khoản giảm trừ doanh thu phát sinh vào kỳ sau và sau thời điểm phát hành báo cáo tài chính thì được điều chỉnh giảm doanh thu của kỳ phát sinh khoản giảm trừ.

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (TIẾP THEO)

3.21. Giá vốn hàng bán

Giá vốn hàng bán và cung cấp dịch vụ là tổng chi phí phát sinh của thành phẩm, hàng hóa, dịch vụ; giá thành sản xuất của sản phẩm xây lắp bán ra trong kỳ theo nguyên tắc phù hợp với doanh thu. Các khoản chi phí vượt trên mức bình thường của hàng tồn kho được ghi nhận ngay vào giá vốn hàng bán.

3.22. Chi phí tài chính

Chi phí tài chính phản ánh những khoản chi phí phát sinh trong năm chủ yếu bao gồm chi phí đi vay vốn, dự phòng tổn thất đầu tư vào đơn vị khác và các khoản chi phí khác.

3.23. Chi phí bán hàng và chi phí quản lý doanh nghiệp

Chi phí bán hàng phản ánh các chi phí thực tế phát sinh trong quá trình bán hàng, cung cấp dịch vụ bao gồm chi phí quảng cáo, hoa hồng môi giới.

Chi phí quản lý doanh nghiệp phản ánh các chi phí quản lý chung của doanh nghiệp gồm các chi phí về lương nhân viên bộ phận quản lý doanh nghiệp (tiền lương, tiền công, các khoản phụ cấp,...); bảo hiểm xã hội, bảo hiểm y tế, kinh phí công đoàn, bảo hiểm thất nghiệp của nhân viên quản lý doanh nghiệp; chi phí vật liệu văn phòng, công cụ lao động, tiền thuê đất, thuế môn bài; dịch vụ mua ngoài (điện, nước, điện thoại, fax, bảo hiểm tài sản, cháy nổ...); chi phí bằng tiền khác (tiếp khách, hội nghị khách hàng).

3.24. Thuế

Thuế thu nhập doanh nghiệp

Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp (TNDN) hiện hành

Chi phí thuế TNDN hiện hành được xác định trên cơ sở thu nhập tính thuế và thuế suất thuế TNDN trong năm hiện hành là 20%.

Chi phí thuế TNDN hoãn lại

Chi phí thuế TNDN hoãn lại được xác định trên cơ sở số chênh lệch tạm thời được khấu trừ, số chênh lệch tạm thời chịu thuế và thuế suất thuế TNDN dự tính sẽ áp dụng cho năm tài sản được thu hồi hay nợ phải trả được thanh toán, dựa trên các mức thuế suất (và các luật thuế) có hiệu lực tại ngày kết thúc năm tài chính.

Thuế thu nhập hoãn lại phải trả phải được ghi nhận cho tất cả các khoản chênh lệch tạm thời chịu thuế, ngoại trừ:

- Thuế thu nhập hoãn lại phải trả phát sinh từ ghi nhận ban đầu của một tài sản hay nợ phải trả của một giao dịch mà giao dịch này không có ảnh hưởng đến lợi nhuận kế toán hoặc lợi nhuận tính thuế thu nhập (hoặc lỗ tính thuế) tại thời điểm phát sinh giao dịch;
- Các chênh lệch tạm thời chịu thuế gắn liền với các khoản đầu tư vào công ty con, chi nhánh, công ty liên kết và các khoản vốn góp liên doanh khi có khả năng kiểm soát thời gian hoàn nhập khoản chênh lệch tạm thời và chắc chắn khoản chênh lệch tạm thời sẽ không được hoàn nhập trong tương lai có thể dự đoán.

Tài sản thuế thu nhập hoãn lại được ghi nhận cho tất cả các chênh lệch tạm thời được khấu trừ, giá trị được khấu trừ chuyển sang các năm sau của các khoản lỗ tính thuế và các khoản ưu đãi thuế chưa sử dụng khi chắc chắn trong tương lai sẽ có lợi nhuận tính thuế để sử dụng những chênh lệch tạm thời được khấu trừ, các khoản lỗ tính thuế và các ưu đãi thuế chưa sử dụng này, ngoại trừ:

- Tài sản thuế hoãn lại phát sinh từ ghi nhận ban đầu của một tài sản hoặc nợ phải trả từ một giao dịch mà giao dịch này không có ảnh hưởng đến lợi nhuận kế toán hoặc lợi nhuận tính thuế thu nhập (lỗ tính thuế) tại thời điểm giao dịch.
- Tài sản thuế hoãn lại cho tất cả các chênh lệch tạm thời được khấu trừ phát sinh từ các khoản đầu tư vào các công ty con, chi nhánh, công ty liên kết và các khoản vốn góp liên doanh chỉ được ghi

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (TIẾP THEO)

nhận khi chắc chắn là chênh lệch tạm thời sẽ được hoàn nhập trong tương lai có thể dự đoán được và có lợi nhuận chịu thuế để sử dụng được khoản chênh lệch tạm thời đó.

Giá trị ghi sổ của tài sản thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại được xem xét lại vào ngày kết thúc kỳ kế toán và được ghi giảm đến mức bảo đảm chắc chắn có đủ lợi nhuận tính thuế cho phép lợi ích của một phần hoặc toàn bộ tài sản thuế thu nhập hoãn lại được sử dụng. Các tài sản thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại chưa ghi nhận trước đây được xem xét lại vào ngày kết thúc kỳ kế toán và được ghi nhận khi chắc chắn có đủ lợi nhuận tính thuế để có thể sử dụng các tài sản thuế thu nhập hoãn lại chưa ghi nhận này.

Thuế thu nhập hiện hành và thuế thu nhập hoãn lại được ghi nhận là thu nhập hay chi phí để tính lãi, lỗ của kỳ phát sinh, ngoại trừ trường hợp thuế thu nhập phát sinh từ một giao dịch hoặc sự kiện được ghi nhận trực tiếp vào vốn chủ sở hữu trong cùng kỳ hay một kỳ khác.

Tổng Công ty chỉ được bù trừ tài sản thuế thu nhập hoãn lại và thuế thu nhập hoãn lại phải trả khi Tổng Công ty có quyền hợp pháp để bù trừ giữa tài sản thuế thu nhập hiện hành với thuế thu nhập hiện hành phải nộp và các tài sản thuế thu nhập hoãn lại với thuế thu nhập hoãn lại phải trả liên quan đến thuế thu nhập doanh nghiệp được quản lý bởi cùng một cơ quan thuế và Tổng Công ty dự định thanh toán thuế thu nhập hiện hành phải trả và tài sản thuế thu nhập hiện hành trên cơ sở thuần hoặc thu hồi tài sản đồng thời với việc thanh toán nợ phải trả trong từng kỳ tương lai khi các khoản trọng yếu của thuế thu nhập hoãn lại phải trả hoặc tài sản thuế thu nhập hoãn lại được thanh toán hoặc thu hồi.

Thuế giá trị gia tăng

Thuế giá trị gia tăng của các hàng hóa và dịch vụ do Tổng Công ty cung cấp được tính theo các mức thuế như sau:

- Áp dụng mức thuế suất 0% đối với hoạt động xuất khẩu;
- Áp dụng mức thuế suất 5% hoặc không phải kê khai tính nộp thuế GTGT đối với hoạt động bán hải sản trong nước chỉ qua sơ chế thông thường;
- Áp dụng mức thuế suất 10% đối với hoạt động cho thuê văn phòng, mặt bằng;
- Áp dụng mức thuế suất 10% đối với các hoạt động khác. (Áp dụng mức thuế suất 8% kể từ ngày 01/01/2025 đến 31/12/2025 theo Nghị định 180/2024/NĐ-CP ngày 31/12/2024 và nghị định số 174/2025/NĐ-CP ngày 30/06/2025);
- Các hoạt động khác áp dụng mức thuế suất theo quy định.

Các loại thuế khác

Áp dụng theo các luật thuế hiện hành tại Việt Nam.

Các báo cáo thuế của Tổng Công ty sẽ chịu sự kiểm tra của cơ quan thuế. Do việc áp dụng luật và các quy định về thuế đối với nhiều loại giao dịch khác nhau có thể được giải thích theo nhiều cách khác nhau, dẫn đến số thuế được trình bày trên báo cáo tài chính hợp nhất có thể bị thay đổi theo quyết định cuối cùng của cơ quan thuế.

3.25. Lãi cơ bản trên cổ phiếu

Lãi cơ bản trên cổ phiếu được tính bằng cách chia lợi nhuận hợp nhất sau thuế của Tổng Công ty sau khi trích quỹ khen thưởng, phúc lợi cho tổng số bình quân số cổ phiếu phổ thông lưu hành trong năm, không bao gồm số cổ phiếu được Tổng Công ty mua lại và giữ làm cổ phiếu ngân quỹ.

3.26. Lãi suy giảm trên cổ phiếu

Lãi suy giảm trên cổ phiếu được tính bằng cách chia lợi nhuận sau thuế của Tổng Công ty sau khi trích quỹ khen thưởng, phúc lợi cho tổng số bình quân số cổ phiếu phổ thông lưu hành trong năm và tổng số cổ phiếu phổ thông dự kiến được phát hành thêm, không bao gồm số cổ phiếu được Tổng Công ty mua lại và giữ làm cổ phiếu ngân quỹ.

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (TIẾP THEO)

3.27. Báo cáo bộ phận

Một bộ phận là một hợp phần có thể xác định riêng biệt của Tổng Công ty tham gia vào quá trình sản xuất hoặc cung cấp sản phẩm, dịch vụ riêng lẻ, một nhóm sản phẩm hoặc dịch vụ có liên quan (bộ phận theo lĩnh vực kinh doanh), hoặc tham gia vào quá trình sản xuất hoặc cung cấp sản phẩm, dịch vụ trong một môi trường kinh tế cụ thể (bộ phận theo khu vực địa lý), mỗi bộ phận này có rủi ro và lợi ích kinh tế khác biệt với các bộ phận kinh doanh khác hoặc khác với các bộ phận kinh doanh trong các môi trường kinh tế khác.
Xem thêm mục 7.

3.28. Các bên liên quan

Các bên liên quan là các doanh nghiệp, các cá nhân, trực tiếp hay gián tiếp qua một hoặc nhiều trung gian, có quyền kiểm soát Tổng Công ty hoặc chịu sự kiểm soát của Tổng Công ty, hoặc cùng chung sự kiểm soát với Tổng Công ty. Công ty liên kết, các cá nhân trực tiếp hoặc gián tiếp nắm quyền biểu quyết của Tổng Công ty dẫn đến có ảnh hưởng đáng kể đối với Tổng Công ty, những nhân sự quản lý chủ chốt bao gồm Ban Tổng Giám đốc, các cán bộ điều hành của Tổng Công ty, những thành viên mật thiết trong gia đình của các cá nhân này hoặc các công ty liên kết với các cá nhân này cũng được coi là các bên liên quan.

4. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRÊN BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT

4.1. Tiền và các khoản tương đương tiền

	Tại ngày 31/12/2025		Tại ngày 01/01/2025	
	Ngoại tệ	VND	Ngoại tệ	VND
Tiền mặt tại quỹ		1.512.512.899		2.135.792.597
+ VND		1.512.512.899		2.135.792.597
Tiền gửi ngân hàng		22.592.421.807		16.457.484.584
+ VND		8.345.415.719		7.220.540.727
+ USD	546.372,10 #	14.247.006.088	365.797,37 #	9.236.943.857
Các khoản tương đương tiền (*)		2.041.688.632		275.292.576.881
Cộng		26.146.623.338		293.885.854.062

(*) Các khoản tương đương tiền cuối năm là các khoản tiền gửi có kỳ hạn không quá 3 tháng với lãi suất từ 4,0%/năm đến 4,75%/năm.

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (TIẾP THEO)

4.2. Các khoản đầu tư tài chính

Chứng khoán kinh doanh

	Tại ngày 31/12/2025				Tại ngày 01/01/2025			
	Số lượng cổ phiếu	Giá gốc	Giá trị hợp lý	Dự phòng	Số lượng cổ phiếu	Giá gốc	Giá trị hợp lý	Dự phòng
- Ngân hàng TMCP Xuất Nhập Khẩu Việt Nam	467.839	2.257.388.143	9.964.970.700	-	467.839	2.257.388.143	9.029.292.700	-
		2.257.388.143	9.964.970.700	-		2.257.388.143	9.029.292.700	-

Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn ngắn hạn được chi tiết như sau:

	Tại ngày 31/12/2025		Tại ngày 01/01/2025	
	Giá gốc	Giá trị ghi sổ	Giá gốc	Giá trị ghi sổ
- Ngân hàng TMCP Xuất nhập khẩu Việt Nam - PGD Thuận An	56.033.769.830	56.033.769.830	34.642.500.000	34.642.500.000
- Ngân hàng TMCP Sài Gòn Thương Tín - CN Sài Gòn	59.503.935.329	59.503.935.329	-	-
- Ngân hàng TMCP Tiên Phong - CN Sài Gòn	193.204.954.314	193.204.954.314	-	-
- Ngân hàng TMCP Quân đội - CN Hải Phòng	1.000.000.000	1.000.000.000	1.000.000.000	1.000.000.000
- Ngân hàng TMCP Đông Nam Á - CN Hải Phòng	3.000.000.000	3.000.000.000	7.000.000.000	7.000.000.000
- Ngân hàng TMCP Việt Á	35.000.000.000	35.000.000.000	18.500.000.000	18.500.000.000
- Ngân hàng TMCP Xuất nhập khẩu Việt Nam	-	-	9.000.000.000	9.000.000.000
- Ngân hàng TMCP Ngoại thương VN - CN Thành Công	11.509.350.730	11.509.350.730	9.200.000.000	9.200.000.000
- Ngân hàng TMCP Công thương VN - CN Nam Thăng Long	2.863.870.685	2.863.870.685	2.825.142.073	2.825.142.073
- Ngân hàng TMCP XNK Việt Nam - CN Ba Đình	8.022.617.956	8.022.617.956	9.872.054.687	9.872.054.687
- Ngân hàng TMCP Sài Gòn Thương tín - PGD Hoàng Cầu	513.636.986	513.636.986	-	-
- Ngân hàng TMCP Sài Gòn Thương tín - CN Thăng Long	52.650.063.875	52.650.063.875	31.900.000.000	31.900.000.000
Cộng	423.302.199.705	423.302.199.705	123.939.696.760	123.939.696.760

TỔNG CÔNG TY THỦY SẢN VIỆT NAM – CÔNG TY CỔ PHẦN VÀ CÁC CÔNG TY CON

Địa chỉ: 2-4-6 Đồng Khởi, Phường Sài Gòn, Thành phố Hồ Chí Minh

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (TIẾP THEO)

Đầu tư vào công ty liên doanh, liên kết được chi tiết như sau:

	Tại ngày 31/12/2025 VND		Tại ngày 01/01/2025 VND	
	Giá gốc	Giá trị theo phương pháp vốn chủ sở hữu	Giá gốc	Giá trị theo phương pháp vốn chủ sở hữu
Công ty CP Việt Pháp Sản xuất thức ăn gia súc Proconco (i)	546.897.499.662	1.065.887.931.212	546.897.499.662	944.828.090.607
Công ty Cổ phần Thủy sản số 4 (v)	39.992.400.000	-	39.992.400.000	-
Công ty Cổ phần Đồ hộp Hạ Long (ii)	36.071.360.000	41.036.450.324	36.071.360.000	40.496.860.225
Công ty Cổ phần Xuất nhập khẩu Thủy sản Miền Trung	10.918.845.000	50.841.853.486	10.918.845.000	48.110.483.009
Công ty Cổ phần Thủy sản số 5	9.362.396.255	9.759.350.351	9.362.396.255	9.801.333.370
Công ty Cổ phần Dịch vụ Nuôi trồng Thủy sản Hạ Long	7.055.024.691	6.383.436.411	7.055.024.691	6.008.269.492
Công ty Cổ phần Công nghiệp Thủy sản (v)	4.867.500.000	-	4.867.500.000	-
Công ty Cổ phần Đóng sửa tàu Nhà Bè	2.822.244.376	1.827.393.465	2.822.244.376	1.862.530.543
Công ty Liên doanh Thủy sản Việt Nga (iii)	4.994.824.935	4.994.824.935	4.994.824.935	4.994.824.935
Công ty CP Kỹ thuật công trình Việt Nam (iv)	-	-	13.144.848.945	31.793.158.483
Cộng	662.982.094.919	1.180.731.240.184	676.126.943.864	1.087.895.550.664

TỔNG CÔNG TY THỦY SẢN VIỆT NAM – CÔNG TY CỔ PHẦN VÀ CÁC CÔNG TY CON

Địa chỉ: 2-4-6 Đồng Khởi, Phường Sài Gòn, Thành phố Hồ Chí Minh

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (TIẾP THEO)**Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác được chi tiết như sau:**

	Tại ngày 31/12/2025			Tại ngày 01/01/2025		
	VND			VND		
	Giá gốc	Giá trị hợp lý	Dự phòng	Giá gốc	Giá trị hợp lý	Dự phòng
Công ty Cổ phần Searefico	53.249.400.000	38.455.824.000	(14.793.576.000)	53.249.400.000	40.328.376.000	(12.921.024.000)
Công ty CP Thủy sản Minh Hải	26.220.102.358		-	26.220.102.358		-
Công ty CP Thủy đặc sản	23.144.531.354	54.432.000.000	-	23.144.531.354	33.825.600.000	-
Công ty CP Nông nghiệp Hùng Hậu	22.522.500.000	30.986.379.600	-	22.522.500.000	27.465.200.100	-
Công ty CP Đầu tư KD Phát triển Nhà (vi)	2.000.000.000		(2.000.000.000)	2.000.000.000		(2.000.000.000)
Công ty CP Thiết bị hàng hải Mecom	1.307.080.395		-	1.307.080.395		-
Công ty CP KD XNK Thủy sản	1.254.969.616		-	1.254.969.616		-
Công ty CP Vật tư Thủy sản VN	995.940.542		(995.940.542)	995.940.542		(741.937.420)
Công ty CP Sản xuất TMDV Phú Mỹ	553.333.272		(306.668.940)	553.333.272		(272.614.620)
Công ty CP Biển Tây (vi)	455.000.000		(455.000.000)	455.000.000		(455.000.000)
Công ty CP Bao bì Thủy sản	148.403.919		(41.760.172)	148.403.919		(41.760.172)
Công ty CP Kỹ thuật công trình Việt Nam (iv)	13.144.848.945		-			
Cộng	144.996.110.401		(18.592.945.654)	131.851.261.456		(16.432.336.212)

(i) Tổng Công ty đã thỏa thuận dùng 22.000.000 cổ phần của Công ty Cổ phần Việt Pháp Sản xuất Thức ăn gia súc Proconco để đảm bảo cho khoản vay theo Hợp đồng Vay vốn số 01/2016/HĐVV ngày 23/6/2016 với Công ty Cổ phần Xây dựng Bắc Nam 79. (Xem thêm mục 10)

(ii) Theo quyết định số 1223/QĐ ngày 12/09/2025, Công an Thành phố Hải Phòng đã khởi tố vụ án hình sự “Vi phạm quy định về an toàn thực phẩm”. Ngày 10/01/2026, Công an Thành phố Hải Phòng đã thực hiện đã bắt khẩn cấp Tổng Giám đốc Công ty Cổ phần Đồ hộp Hạ Long. Tính đến thời điểm phát hành Báo cáo tài chính hợp nhất này, Công ty Cổ phần Đồ hộp Hạ Long vẫn chưa hoàn thành và công bố Báo cáo tài chính năm 2025 đã được kiểm toán. Giá trị khoản đầu tư và giá trị theo phương pháp vốn chủ sở hữu đối với khoản đầu tư này được xem xét trên Báo cáo tài chính của Công ty tự lập.

(iii) Công ty Liên doanh Thủy sản Việt Nga đã ngừng hoạt động, đang làm các thủ tục để giải thể Công ty theo quy định. Sau khi nhận tiền hỗ trợ bồi thường giải phóng mặt bằng từ Ủy Ban Nhân dân Quận 2, Công ty Liên doanh Thủy sản Việt Nga đã tạm chuyển trả số tiền tương ứng tỷ lệ vốn góp của Tổng công ty: 4.994.824.935 VND. Tuy nhiên, cho đến hiện tại, do Công ty Liên doanh Thủy sản Việt Nga chưa hoàn tất việc giải thể, nên Tổng Công ty chưa xử lý bù trừ khoản đầu tư này với phần tiền đã nhận từ Công ty Liên doanh Thủy sản Việt Nga. (Xem thêm mục (*) Thuyết minh 4.20)

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (TIẾP THEO)

(iv) Theo Quyết định số 286/QĐ-2T-HĐQT ngày 07/07/2025 của HĐQT Công ty CP Kỹ thuật Công trình Việt Nam về việc thông qua kết quả đợt chào bán cổ phần phát hành tăng Vốn điều lệ theo Nghị quyết ĐHĐCĐ thường niên năm 2024. Tổng Công ty đã không thực hiện quyền mua cổ phần phát hành cho cổ đông hiện hữu tại Công ty. Tổng số cổ phần của Tổng Công ty tại ngày 31/12/2025 là 1.515.136 cổ phần, tương đương 19,44% tỷ lệ sở hữu.

(v) Tổng Công ty đã trích lập dự phòng 100% cho các khoản đầu tư này do phần lỗ đã vượt giá trị đầu tư.

(vi) Tổng Công ty đã trích lập dự phòng 100% cho khoản đầu tư do Công ty Cổ phần Đầu tư Kinh doanh Phát triển Nhà và Công ty Cổ phần Biển Tây không tìm thấy địa chỉ hoạt động.

(vii) Theo Giấy chứng nhận phần vốn góp của Công ty TNHH Thương mại Dịch vụ Du lịch Cổ May (“Công ty Cổ may”) số 01/GCNCMC ngày 20/3/2015 thì Tổng Công ty Thủy sản Việt Nam – Công ty TNHH MTV (nay là Tổng Công ty Thủy sản Việt Nam – Công ty Cổ phần) đã góp đủ giá trị phần vốn góp (theo vốn điều lệ) là 15.000.000.000 VND dưới hình thức giá trị công trình trên đất, tiền hỗ trợ di dời và giá trị lợi thế về khai thác, quản lý sử dụng khu đất tại chân cầu Cổ May. Ngày 23/09/2025, Phòng đăng ký kinh doanh thành phố Hồ Chí Minh đã thông báo về việc Công ty Cổ may giải thể/chấm dứt tồn tại. Theo biên bản cuộc họp số 58/BB-TSVN-TGĐ ngày 30/01/2026, Tổng Công ty xác định Công ty Cổ may đã hoàn tất quá trình giải thể đúng quy định pháp luật về mặt thủ tục hành chính, thống nhất ghi nhận không còn giá trị phần vốn góp của Tổng Công ty tại Công ty Cổ May.

- Tại ngày báo cáo, Tổng Công ty đã xác định giá trị hợp lý của khoản đầu tư vào các Công ty sau dựa trên cơ sở giá niêm yết trên sàn giao dịch chứng khoán và số lượng cổ phiếu mà Tổng Công ty đang nắm giữ:

- Công ty CP Searefico;
- Công ty CP Thủy đặc sản;
- Công ty CP Nông nghiệp Hùng Hậu.

Các Công ty còn lại, Tổng Công ty chưa xác định được giá trị hợp lý của các khoản đầu tư này để thuyết minh trong báo cáo tài chính hợp nhất do không có giá niêm yết trên thị trường và Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán Doanh nghiệp Việt Nam hiện chưa có hướng dẫn về cách tính giá trị hợp lý sử dụng các kỹ thuật định giá. Giá trị hợp lý của các khoản đầu tư này có thể khác với giá trị ghi sổ.

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (TIẾP THEO)

4.3. Phải thu ngắn hạn của khách hàng

	Tại ngày 31/12/2025 VND	Tại ngày 01/01/2025 VND
Follow Food GMBH	-	2.591.156.363
Công ty TNHH Thanh Bình Gold	6.359.224.000	6.524.224.000
Concept Cool Vertriebsgesellschaft MBH	12.608.229.500	8.559.078.960
Công ty TNHH Thương mại Hà Đô	10.865.000.000	12.145.000.000
Công ty TNHH Thép Bắc Sơn	4.455.000.000	5.740.000.000
Các đối tượng khác	24.970.054.984	25.155.541.519
Cộng	59.257.508.484	60.715.000.842

4.4. Trả trước cho người bán ngắn hạn

	Tại ngày 31/12/2025 VND	Tại ngày 01/01/2025 VND
Công ty TNHH TM Hải Hòa Phát	610.830.342	610.830.342
Công ty TNHH Đà Lạt Caviar	-	1.088.180.000
Công ty TNHH TM DV Bắc Việt Chung	869.038.977	869.038.977
Công ty CP TM Cầu Vòng Đồ	-	3.700.000.000
Công ty TNHH Sản xuất, Thương mại YTECH	719.066.160	-
Các đối tượng khác	1.771.142.224	1.316.162.174
Cộng	3.970.077.703	7.584.211.493

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (TIẾP THEO)

4.5. Phải thu khác

	Tại ngày 31/12/2025		Tại ngày 01/01/2025	
	Giá trị	Dự phòng	Giá trị	Dự phòng
			VND	VND
Ngắn hạn:				
Lãi dự thu	6.589.557.327	-	2.464.653.118	-
Ký cược, ký quỹ	24.467.416	-	22.267.416	-
Tạm ứng	137.935.144	-	191.765.628	-
Công ty TNHH MTV Tài Tâm Long Biên (*)	16.301.634.294	-	14.865.352.524	-
Chi cục Hải quan Tây Đô (**)	1.163.461.000	-	1.163.461.000	-
Phải thu cổ tức	-	-	1.925.844.450	-
Phải thu khác	11.954.380.856	(10.659.329.556)	13.135.106.085	(9.402.770.973)
Cộng	36.171.436.037	(10.659.329.556)	33.768.450.221	(9.402.770.973)
Dài hạn:				
Ký quỹ, ký cược	4.481.548.027	(23.141.800)	4.432.461.340	(23.141.800)
Cộng	4.481.548.027	(23.141.800)	4.432.461.340	(23.141.800)

(*) Đây là khoản tiền thuê đất từ năm 2019 đến ngày 31/12/2025 tại địa chỉ số 02 Ngõ Gia Tự, Phường Việt Hưng, Thành phố Hà Nội theo hợp đồng hợp tác kinh doanh số 19/HĐHTKD-SEAPRODEX-T&T ngày 11/05/2012 giữa Tổng Công ty với Công ty TNHH Tài Tâm (Nay là Công ty TNHH MTV Tài Tâm Long Biên). Theo khoản 5.3 Điều 5 của hợp đồng: "... Tiền thuê đất hàng năm, hoặc tiền thuê đất trả một lần, từ thời điểm Tổng Công ty Thủy sản Việt Nam bàn giao cơ sở nhà đất để thực hiện Dự án hoặc khi có quyết định về hình thức sử dụng đất của UBND Thành phố Hà Nội. Chi phí thực hiện nghĩa vụ nộp tiền sử dụng đất và thuế đất cho nhà nước đối với toàn bộ khu đất Công ty TNHH Tài Tâm tự chịu trách nhiệm...". Hiện tại dự án vẫn chưa triển khai được.

(**) Chi cục trưởng Chi cục Hải quan Tây Đô (nay là Đội trưởng Hải quan Tây Đô) đã ra Quyết định số 23/QĐ-TĐ ngày 22/4/2021 về việc cưỡng chế thi hành quyết định hành chính về quản lý thuế bằng biện pháp trích tiền từ tài khoản của đối tượng bị cưỡng chế tại tổ chức tín dụng; số tiền bị cưỡng chế: Thuế nhập khẩu: 310.000.000 VND và Quyết định số 90/QĐ-TĐ ngày 14/11/2024 về việc cưỡng chế quyết định hành chính về quản lý thuế bằng biện pháp trích tiền từ tài khoản của đối tượng bị cưỡng chế tại tổ chức tín dụng; số tiền bị cưỡng chế (tiền chậm nộp): 853.461.000 VND. Trên cơ sở đó, Tổng công ty đã bị cưỡng chế với tổng số tiền là 1.163.461.000 VND.

Ngày 11/3/2025, Tổng công ty nộp đơn khởi kiện Đội trưởng Hải quan Tây Đô với yêu cầu hủy 02 Quyết định nêu trên. Vụ án được Tòa án nhân dân khu vực 2 – Cần Thơ thụ lý theo Thông báo số 01/2025/TLST-HC ngày 04/7/2025 theo quy định. Ngày 22/9/2025, Tòa án nhân dân khu vực 2 – Cần Thơ ban hành Bản án số 02/2025/HC-ST về việc khiếu kiện quyết định hành chính về cưỡng chế nộp thuế nhập khẩu. Theo đó, Tòa án không chấp nhận yêu cầu khởi của Tổng công ty;

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (TIẾP THEO)

Ngày 06/10/2025, Tổng công ty đã nộp đơn kháng cáo đến Tòa án nhân dân Khu vực 2 – Cần Thơ, kháng cáo toàn bộ Bản án hành chính sơ thẩm số 02/2025/HC-ST ngày 22/9/2025. Ngày 05/02/2026, Tòa án nhân dân thành phố Cần Thơ ra Quyết định số 05/2026/QĐ-PT về việc đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm.

Tại Phiên tòa phúc thẩm ngày 05/3/2026, Hội đồng xét xử quyết định tạm dừng để tiếp tục nghiên cứu hồ sơ và dự kiến sẽ mở lại phiên tòa trong thời gian tới. Tổng công ty tiếp tục theo dõi sát diễn biến vụ việc, phối hợp cung cấp tài liệu, chứng cứ và thực hiện đầy đủ các quyền, nghĩa vụ tố tụng theo quy định pháp luật.

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (TIẾP THEO)

4.6. Nợ xấu

	Tại ngày 31/12/2025		Tại ngày 01/01/2025	
	VND		VND	
	Giá gốc	Giá trị có thể thu hồi	Giá gốc	Giá trị có thể thu hồi
Tổng giá trị các khoản phải thu ngắn hạn quá hạn thanh toán	58.984.082.027	3.683.148.028	62.886.870.216	14.502.802.505
Cộng	58.984.082.027	3.683.148.028	62.886.870.216	14.502.802.505

Thời gian quá hạn và giá trị các khoản nợ phải thu theo từng đối tượng được chi tiết như sau:

	Tại ngày 31/12/2025			Tại ngày 01/01/2025		
	VND			VND		
	Giá gốc	Giá trị có thể thu hồi	Thời gian quá hạn	Giá gốc	Giá trị có thể thu hồi	Thời gian quá hạn
DNTN TM Tân Vạn Phát	1.733.417.763	-	Trên 3 năm	1.745.825.731	-	Trên 3 năm
Công ty TNHH Phát triển Công nghệ VHS Quốc tế	3.980.051.517	-	Trên 3 năm	4.180.051.518	912.741.209	Từ 2 đến dưới 3 năm
Công ty TNHH TM Hà Đô	13.709.283.560	-	Trên 3 năm	13.411.809.039	3.343.500.000	Từ 2 đến dưới 3 năm
Công ty TNHH Thanh Bình Gold	8.297.442.943	-	Trên 3 năm	8.066.300.817	1.957.267.200	Từ 2 đến dưới 3 năm
Công ty TNHH Phát triển Công nghệ và TM Gia Long	1.935.038.293	-	Trên 3 năm	2.045.038.294	351.497.326	Từ 2 đến dưới 3 năm
Công ty TNHH Thép Bắc Sơn	5.860.634.489	1.336.500.000	Từ 2 đến 3 năm	5.862.692.569	2.370.000.000	Từ 1 đến dưới 2 năm
Công ty CP TM Cầu Vòng Đỏ			Đã thu hồi	3.700.000.000	1.850.000.000	Từ 1 đến dưới 2 năm
Công ty TNHH Đầu tư Phát triển Thương mại Dịch vụ Hoàng Minh	2.314.127.400	1.157.063.700	Từ 1 đến dưới 2 năm	2.574.127.400	1.801.889.180	Từ 6 tháng đến dưới 1 năm
Công ty CP Chế biến Thủy sản Xuất Khẩu Hạ Long - Chi nhánh Hạ Long	1.386.008.440	693.004.220	Từ 1 đến dưới 2 năm	1.586.008.440	1.110.205.908	Từ 6 tháng đến dưới 1 năm
Công ty TNHH Thương mại Tân Tiến (Tài sản thiếu chờ xử lý)	13.097.174.101	-	Trên 3 năm	13.097.174.101	-	Trên 3 năm
Các khách hàng khác	6.670.903.521	496.580.108		6.617.842.307	805.701.682	
Cộng	58.984.082.027	3.683.148.028		62.886.870.216	14.502.802.505	

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (TIẾP THEO)

4.7. Tài sản thiếu chờ xử lý

	Tại ngày 31/12/2025		Tại ngày 01/01/2025	
	VND		VND	
	Giá trị	Dự phòng	Giá trị	Dự phòng
Hàng tồn kho	13.199.544.182	13.097.174.101	13.199.544.182	13.097.174.101
Cộng	13.199.544.182	13.097.174.101	13.199.544.182	13.097.174.101

(*) Tài sản thiếu chờ xử lý là giá trị lô thép bị chiếm dụng. Lô hàng này được mua năm 2008 và gửi tại kho của Công ty TNHH Thương mại Tân Tiến theo Hợp đồng gửi kho hàng hóa số 1806/HDGG ngày 18 tháng 6 năm 2008. Tổng Công ty mua lô hàng này để bán cho Công ty TNHH Thương mại và Công nghệ Thái Sơn theo Hợp đồng mua bán số 16/SEA-TH/2008 ngày 16 tháng 6 năm 2008, tuy nhiên lô hàng này đã bị chiếm dụng trước khi chuyển giao hàng hóa và quyền sở hữu. Hiện tại sự việc liên quan đến lô hàng này đang được cơ quan công an điều tra làm rõ và đến ngày 31 tháng 12 năm 2025 vẫn chưa có kết luận cuối cùng.

4.8. Hàng tồn kho

	Tại ngày 31/12/2025		Tại ngày 01/01/2025	
	VND		VND	
	Giá trị	Dự phòng	Giá trị	Dự phòng
Nguyên liệu, vật liệu	1.262.225.495	-	2.509.768.384	-
Công cụ, dụng cụ	1.343.073.550	-	1.099.592.300	-
Chi phí SX, KD dở dang	10.542.855.106	-	8.948.913.855	-
Thành phẩm	108.494.666.019	(2.033.794.227)	79.973.312.867	(3.270.278.210)
Hàng hóa	2.358.789.828	(740.221.813)	2.782.943.706	-
Hàng gửi đi bán	17.543.570.583	-	-	-
Cộng	141.545.180.581	(2.774.016.040)	95.314.531.112	(3.270.278.210)

Không có hàng tồn kho ứ đọng, kém, mất phẩm chất không có khả năng tiêu thụ tại thời điểm cuối năm.

Không có hàng tồn kho dùng để thế chấp, cầm cố bảo đảm các khoản phải trả tại thời điểm cuối năm.

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (TIẾP THEO)

4.9. Chi phí trả trước

	Tại ngày 31/12/2025 VND	Tại ngày 01/01/2025 VND
Ngắn hạn:		
Chi phí sửa chữa	-	12.011.652
Thuê nhà kho, mặt hồ	-	4.500.000
Công cụ dụng cụ chờ phân bổ	206.073.334	111.342.559
Chi phí khác	59.664.805	112.621.148
Cộng	265.738.139	240.475.359
Dài hạn:		
Công cụ dụng cụ chờ phân bổ	437.054.262	256.512.277
Chi phí sửa chữa	3.431.417.804	3.877.074.490
Chi phí san lấp mặt bằng	351.553.488	375.541.740
Chi phí khác	297.696.885	179.269.352
Cộng	4.517.722.439	4.688.397.859

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (TIẾP THEO)

4.10. Tăng, giảm tài sản cố định hữu hình

Khoản mục	Nhà cửa, vật kiến trúc VND	Máy móc, thiết bị VND	P/tiện vận tải, truyền dẫn VND	Thiết bị, dụng cụ quản lý VND	Cộng VND
Nguyên giá:					
Tại ngày 01/01/2025	184.265.076.733	128.808.557.956	16.482.206.576	1.151.041.593	330.706.882.858
Tăng trong năm	671.604.510	987.700.000	1.096.301.320	35.000.000	2.790.605.830
Chuyển sang bất động sản đầu tư	(6.801.729.037)	-	-	-	(6.801.729.037)
Thanh lý, nhượng bán	(94.674.422)	(706.382.504)	(745.256.561)	(35.436.364)	(1.581.749.851)
Giảm khác	(41.158.005)	-	-	-	(41.158.005)
Tại ngày 31/12/2025	177.999.119.779	129.089.875.452	16.833.251.335	1.150.605.229	325.072.851.795
Giá trị hao mòn lũy kế:					
Tại ngày 01/01/2025	160.248.236.211	101.605.935.525	14.409.801.234	1.084.657.994	277.348.630.964
Khấu hao trong năm	2.458.915.561	3.997.398.670	626.813.772	42.356.454	7.125.484.457
Chuyển sang bất động sản đầu tư	(6.634.455.542)	-	-	-	(6.634.455.542)
Thanh lý, nhượng bán	(94.674.422)	(706.382.504)	(745.256.561)	(35.436.364)	(1.581.749.851)
Giảm khác	(41.158.005)	-	-	-	(41.158.005)
Tại ngày 31/12/2025	155.936.863.803	104.896.951.691	14.291.358.445	1.091.578.084	276.216.752.023
Giá trị còn lại:					
Tại ngày 01/01/2025	24.016.840.522	27.202.622.431	2.072.405.342	66.383.599	53.358.251.894
Tại ngày 31/12/2025	22.062.255.976	24.192.923.761	2.541.892.890	59.027.145	48.856.099.772

Giá trị còn lại cuối năm của TSCĐ hữu hình đã dùng thế chấp, cầm cố, đảm bảo cho các khoản vay là 20.657.039.182 VND - Xem thêm mục 4.21

Nguyên giá của TSCĐ hữu hình cuối năm đã khấu hao hết nhưng vẫn còn sử dụng là 216.056.388.663 VND.

Nguyên giá của TSCĐ hữu hình cuối năm chờ thanh lý là 4.569.761.096 VND.

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (TIẾP THEO)

4.11. Tăng, giảm tài sản cố định vô hình

Khoản mục	Quyền sử dụng đất VND	Phần mềm kế toán VND	Cộng VND
Nguyên giá:			
Tại ngày 01/01/2025	31.858.687.161	1.363.060.881	33.221.748.042
Tăng trong năm	-	260.336.000	260.336.000
Tại ngày 31/12/2025	31.858.687.161	1.623.396.881	33.482.084.042
Giá trị hao mòn lũy kế:			
Tại ngày 01/01/2025	10.344.120.822	1.363.060.881	11.707.181.703
Khấu hao trong năm	892.015.632	21.694.668	913.710.300
Tại ngày 31/12/2025	11.236.136.454	1.384.755.549	12.620.892.003
Giá trị còn lại:			
Tại ngày 01/01/2025	21.514.566.339	-	21.514.566.339
Tại ngày 31/12/2025	20.622.550.707	238.641.332	20.861.192.039

Quyền sử dụng đất tại Lô C2 KCN Sóng Thần 2 với nguyên giá đánh giá lại khi cổ phần hóa là 25.532.342.472 VND và đang được Tổng Công ty trích khấu hao trong 32,5 năm (bắt đầu từ 17/04/2015 đến 16/10/2047).

Giá trị còn lại TSCĐ vô hình cuối năm đã dùng thế chấp, cầm cố, đảm bảo cho các khoản vay là 2.903.252.515 VND.

Nguyên giá TSCĐ vô hình cuối năm đã khấu hao hết nhưng vẫn còn sử dụng là 1.548.404.117 VND.

Không có TSCĐ vô hình cuối năm chờ thanh lý.

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (TIẾP THEO)

4.12. Bất động sản đầu tư

Khoản mục	Tại ngày 31/12/2025 VND	Tăng trong năm VND	Giảm trong năm VND	Tại ngày 01/01/2025 VND
Bất động sản đầu tư cho thuê:				
Nguyên giá:				
Nhà	4.652.027.236	-	-	4.652.027.236
Cơ sở hạ tầng	36.756.507.010	6.801.729.037	-	29.954.777.973
Cộng	41.408.534.246	6.801.729.037	-	34.606.805.209
Giá trị hao mòn lũy kế:				
Nhà	3.853.973.580	124.836.288	-	3.729.137.292
Cơ sở hạ tầng	20.096.631.638	7.400.449.610	-	12.696.182.028
Cộng	23.950.605.218	7.525.285.898	-	16.425.319.320
Giá trị còn lại:				
Nhà	798.053.656			
Cơ sở hạ tầng	16.659.875.372			18.181.485.889
Cộng	17.457.929.028			18.181.485.889

Không có bất động sản đầu tư cuối năm được dùng để thế chấp, cầm cố đảm bảo cho các khoản vay.

Nguyên giá bất động sản đầu tư cuối năm đã khấu hao hết nhưng vẫn cho thuê là 6.790.286.571 VND.

Bất động sản đầu tư nắm giữ để cho thuê gồm:

- Nhà điều hành sản xuất, nhà kho, nhà tiện nghi cơ khí, ki ốt cho thuê, bãi đỗ xe ô tô khu vực Hạ Lý tại địa chỉ số 02 Phan Đình Phùng, Phường Hồng Bàng, Thành phố Hải Phòng;
- Nhà xưởng sản xuất khu cầu cảng, nhà kho, nhà vỏ tàu xí nghiệp cơ khí, sân bê tông, triển kéo tàu 6.500 tấn khu vực Vật Cách tại địa chỉ Tổ dân phố Khánh Thịnh, Phường Hồng An, Thành phố Hải Phòng.

Tại ngày báo cáo, Tổng Công ty chưa xác định được giá trị hợp lý của bất động sản đầu tư nắm giữ để cho thuê để thuyết minh trong báo cáo tài chính hợp nhất do Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán Doanh nghiệp Việt Nam hiện chưa có hướng dẫn về cách tính giá trị hợp lý sử dụng các kỹ thuật định giá. Giá trị hợp lý của các bất động sản đầu tư này có thể khác với giá trị ghi sổ.

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (TIẾP THEO)

4.13. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang dài hạn

	Tại ngày 31/12/2025 VND	Tại ngày 01/01/2025 VND
Quyền sử dụng đất tại số 2-4-6 Đồng Khởi, Phường Sài Gòn, Thành phố Hồ Chí Minh (*)	692.174.085.744	692.174.085.744
Khách sạn Blue Sapphire Vũng Tàu	229.453.856	229.453.856
Dự án số 02 Ngô Gia Tự Hà Nội	109.694.182	109.694.182
Công trình đá vảy 5 tấn	109.672.199	-
Hệ xe triển 6500 tấn Vật Cách	265.842.539	265.842.539
PMKT-Fast Business Online	85.800.000	-
Cộng	692.974.548.520	692.779.076.321

(*) Chi phí xây dựng cơ bản dở dang - Quyền sử dụng đất và tài sản trên đất tại địa chỉ số 2-4-6 Đồng Khởi, Phường Sài Gòn, Thành phố Hồ Chí Minh bao gồm: giá trị đất, tài sản trên đất và giá trị tiền lãi vay dùng để thanh toán cho việc chuyển nhượng Quyền sử dụng đất đã vốn hóa vào giá trị quyền sử dụng đất và tài sản trên đất là 131.484.705.744 VND.

- Theo Quyết định số 6739/QĐ-UBND ngày 10/12/2015 về duyệt phương án giá đất theo giá thị trường của khu đất số 2-4-6 Đồng Khởi, Phường Bến Nghé, Quận 1, Thành phố Hồ Chí Minh (nay là 2-4-6 Đồng Khởi, Phường Sài Gòn, Thành phố Hồ Chí Minh) để chuyển nhượng quyền sử dụng đất cho Tổng Công ty Thủy sản Việt Nam - Công ty Cổ phần;

- Tổng Công ty đã thực hiện đầy đủ các nghĩa vụ thuế, tài chính để được chuyển nhượng Quyền sử dụng đất và đã được Chi cục thuế Quận 1 (nay là Thuế cơ sở 1 Thành phố Hồ Chí Minh) xác nhận Tổng Công ty đã nộp tiền đất tại ngày 24/01/2017, Sở Tài chính Thành phố Hồ Chí Minh xác nhận Tổng Công ty đã hoàn thành nghĩa vụ tài chính theo Công văn số 814 tại ngày 27/01/2017;

Tuy nhiên, cho đến thời điểm kết thúc năm tài chính ngày 31/12/2025, Tổng Công ty vẫn chưa được Cơ quan quản lý Nhà nước cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất để thực hiện triển khai Dự án xây dựng trung tâm thương mại, văn phòng và căn hộ trên khu đất này.

4.14. Phải trả người bán ngắn hạn

	Tại ngày 31/12/2025 VND		Tại ngày 01/01/2025 VND	
	Giá trị	Số có khả năng trả nợ	Giá trị	Số có khả năng trả nợ
Công ty TNHH Thủy sản Minh Hải NC	945.733.433	945.733.433	1.643.481.700	1.643.481.700
Công ty TNHH Thủy sản Kim Việt	597.573.161	597.573.161	614.613.145	614.613.145
Công ty TNHH SX & TM Duy Nhật	654.942.780	654.942.780	172.377.720	172.377.720
Công ty TNHH Chế biến Thủy sản Phương Nam	707.693.163	707.693.163	-	-
Các đối tượng khác	3.449.706.161	3.449.706.161	1.912.381.592	1.912.381.592
Cộng	6.355.648.698	6.355.648.698	4.342.854.157	4.342.854.157

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (TIẾP THEO)

4.15. Người mua trả tiền trước ngắn hạn

	Tại ngày 31/12/2025 VND	Tại ngày 01/01/2025 VND
Công ty TNHH TM và Công nghệ Thái Sơn (*)	4.199.967.000	4.199.967.000
Hezhong Aquatic Co., Ltd	1.142.532.337	-
Các đối tượng khác	80.370.156	469.964.999
Cộng	5.422.869.493	4.669.931.999

(*) Khoản người mua trả tiền trước ngắn hạn từ Công ty TNHH TM và Công nghệ Thái Sơn liên quan đến hợp đồng mua bán lô thép bị chiếm dụng (Xem thêm mục 4.7)

4.16. Phải trả người lao động

	Tại ngày 31/12/2025 VND	Tại ngày 01/01/2025 VND
Tiền lương người lao động	14.793.187.539	11.735.360.137
Cộng	14.793.187.539	11.735.360.137

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (TIẾP THEO)

4.17. Thuế và các khoản phải thu/phải nộp Nhà nước

	Tại ngày 31/12/2025		Trong năm		Tại ngày 01/01/2025	
	VND		VND		VND	
	Phải thu	Phải nộp	Phải nộp	Đã nộp/khấu trừ	Phải thu	Phải nộp
Thuế GTGT	-	997.504.885	7.631.606.864	7.114.428.863	-	480.326.884
Thuế TNDN	161.452.550	2.686.536.719	5.275.492.993	7.376.515.344	161.452.550	4.787.559.070
Thuế TNCN	148.141.223	128.878.413	2.875.049.979	2.915.661.866	109.581.757	130.401.447
Thuế tài nguyên	-	4.605.600	83.611.050	81.232.100	-	2.226.650
Thuế nhà đất, tiền thuê đất (*)	1.376.279.786	-	15.007.230.057	28.477.723.872	-	12.094.214.029
Thuế khác	130.193	-	582.036.417	581.036.417	1.130.193	-
Cộng	1.686.003.752	3.817.525.617	31.455.027.360	46.546.598.462	272.164.500	17.494.728.080

(*) Trong đó, tiền thuê đất đã trích lập từ các năm trước, hoàn nhập trong năm là 13.079.205.390 VND tại 107 Ngụy Như Kon Tum, Phường Thanh Xuân, Thành phố Hà Nội.

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (TIẾP THEO)

4.18. Chi phí phải trả ngắn hạn

	Tại ngày 31/12/2025 VND	Tại ngày 01/01/2025 VND
Chi phí lãi vay phải trả (*)	4.097.551.779	4.049.583.611
Tiền thuê đất (**)	20.342.108.564	36.649.222.658
Chi phí tư vấn và hoa hồng	691.368.289	400.100.251
Chi phí dự án tôm sinh thái	477.115.352	664.602.033
Các khoản chi khác	1.158.813.654	877.990.581
Cộng	26.766.957.638	42.641.499.134

(*) Trong đó, lãi vay phải trả tính từ ngày 01/07/2023 đến ngày 21/12/2023 cho Công ty Cổ phần Xây dựng Bắc Nam 79 là 4.014.307.036 VND
(Xem thêm mục 10).

(**) Đây là tiền thuê đất trích trước cho lô đất tại số 21 Ngô Đức Kế, phường Sài Gòn, thành phố Hồ Chí Minh. Ngoài ra, trong năm, Tổng Công ty đã thực hiện hoàn nhập tiền thuê đất đã trích lập từ các năm trước với số tiền là 19.024.585.344 VND tại 107 Nguyễn Như Kon Tum, Phường Thanh Xuân, Thành phố Hà Nội.

4.19. Doanh thu chưa thực hiện ngắn hạn

	Tại ngày 31/12/2025 VND	Tại ngày 01/01/2025 VND
Doanh thu nhận trước cho thuê nhà, thuê kho	487.320.572	229.309.440
Cộng	487.320.572	229.309.440

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (TIẾP THEO)

4.20. Phải trả khác

	Tại ngày 31/12/2025 VND	Tại ngày 01/01/2025 VND
Ngắn hạn:		
Kinh phí công đoàn	88.169.252	71.360.433
Các khoản bảo hiểm	34.555.744	41.749.822
Tài sản thừa chờ xử lý	35.813.473	35.813.473
Phải trả về cổ phần hóa	167.676.467	167.676.467
Cổ tức phải trả	421.754.480	450.889.030
Quỹ hỗ trợ sắp xếp doanh nghiệp	3.870.768.571	3.870.768.571
Nhận ký quỹ, ký cược	4.305.489.500	10.244.000.000
Công ty TNHH Vạn Lợi - tiền nước	289.021.634	289.021.634
Ngô Quang Huy (tiền thi hành án)	1.776.021.500	1.776.021.500
Phải trả ngắn hạn khác	2.805.178.792	5.461.175.301
Công ty Liên doanh Thủy sản Việt Nga (*)	4.994.824.935	4.994.824.935
Cộng	18.789.274.348	27.403.301.166
Dài hạn:		
Nhận ký quỹ, ký cược dài hạn	25.287.060.000	13.656.560.000
Cộng	25.287.060.000	13.656.560.000

(*) Số dư liên quan đến khoản Công ty Liên doanh Thủy sản Việt Nga đã chuyển tương ứng tỷ lệ vốn góp của Tổng Công ty đầu tư vào Công ty Liên doanh Thủy sản Việt Nga (Xem thuyết minh số 4.2).

TỔNG CÔNG TY THỦY SẢN VIỆT NAM – CÔNG TY CỔ PHẦN VÀ CÁC CÔNG TY CON

Địa chỉ: 2-4-6 Đồng Khởi, Phường Sài Gòn, Thành phố Hồ Chí Minh

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (TIẾP THEO)**4.21. Vay và nợ thuê tài chính**

	Tại ngày 31/12/2025 VND		Trong năm VND		Tại ngày 01/01/2025 VND	
	Giá trị	Số có khả năng trả nợ	Tăng	Giảm	Giá trị	Số có khả năng trả nợ
Vay ngắn hạn:	84.938.075.510	84.938.075.510	508.939.929.096	465.578.030.772	41.576.177.186	41.576.177.186
- Ngân hàng TMCP Ngoại thương Việt Nam - Chi nhánh Cà Mau	84.938.075.510	84.938.075.510	504.783.358.204	460.521.459.880	40.676.177.186	40.676.177.186
- Ngân hàng TMCP Công Thương Việt Nam - Chi nhánh Cà Mau	-	-	4.156.570.892	5.056.570.892	900.000.000	900.000.000
Vay dài hạn đến hạn trả:	-	-	-	1.040.129.300	1.040.129.300	1.040.129.300
- Ngân hàng TMCP Ngoại thương Việt Nam - Chi nhánh Cà Mau	-	-	-	1.040.129.300	1.040.129.300	1.040.129.300
Cộng	84.938.075.510	84.938.075.510	508.939.929.096	466.618.160.072	42.616.306.486	42.616.306.486

TỔNG CÔNG TY THỦY SẢN VIỆT NAM – CÔNG TY CỔ PHẦN VÀ CÁC CÔNG TY CON

Địa chỉ: 2-4-6 Đồng Khởi, Phường Sài Gòn, Thành phố Hồ Chí Minh

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (TIẾP THEO)**Chi tiết các hợp đồng vay ngắn hạn như sau:**

Đối tượng	Hợp đồng hạn mức	Hạn mức cho vay	Thời hạn cho vay	Lãi suất vay	Mục đích sử dụng vốn vay	Tài sản đảm bảo
Ngân hàng TMCP Ngoại thương Việt Nam - Chi nhánh Cà Mau	387-2025/HĐCV-QLN-KH ngày 13/10/2025 (Kèm Hợp đồng Cấp tín dụng số 386-2025/HĐCTD-QLN-KH ngày 13/10/2025)	120 tỷ VND	Tối đa 175 ngày kể từ ngày tiếp theo của ngày giải ngân/ từng lần nhận nợ	Theo từng giấy nhận nợ	Tài trợ các nhu cầu tín dụng ngắn hạn hợp pháp, hợp lý, hợp lệ phục vụ hoạt động kinh doanh của Công ty nhưng không bao gồm nhu cầu ngắn hạn phục vụ hoạt động đầu tư tài sản cố định.	<ul style="list-style-type: none">- Quyền sử dụng đất theo Giấy chứng nhận số BI 521656 tại Ấp Chổng Mỹ B, Xã Hàm Rồng, Huyện Năm Căn, Tỉnh Cà Mau theo HĐTC 406/2014/NHNT ngày 07/04/2014;- Tài sản gắn liền với đất theo Giấy chứng nhận số AH 296757 tại Khóm 3, thị trấn Năm Căn, Huyện Năm Căn, Tỉnh Cà Mau theo HĐTC 1451/2015/NHNT ngày 29/12/2015;- Máy móc thiết bị theo HĐTC số 221/2011/NHNT ngày 05/08/2011;- Máy móc thiết bị chế biến thủy sản theo HĐTC số 52-2017/HĐTC-CMA-KHDN ngày 26/04/2017;- Máy móc thiết bị lạnh băng chuyên IQF 500kg/h theo HĐTC số 57-2019/HĐ-CMA-QLN ngày 30/05/2019;- Tài sản gắn liền với đất theo Giấy chứng nhận số CN 992588 tại Khóm 3, thị trấn Năm Căn, Huyện Năm Căn, Tỉnh Cà Mau theo HĐTC số 58-2019/HĐ-CMA-QLN ngày 30/05/2019;- Hệ thống cấp đông PX2 2029 (giai đoạn 1), hệ thống cấp đông 2019 (giai đoạn 2) theo HĐTC số 179-2019/HĐTC-CMA-KH ngày 12/11/2019.

TỔNG CÔNG TY THỦY SẢN VIỆT NAM – CÔNG TY CỔ PHẦN VÀ CÁC CÔNG TY CON

Địa chỉ: 2-4-6 Đồng Khởi, Phường Sài Gòn, Thành phố Hồ Chí Minh

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (TIẾP THEO)**4.22. Vốn chủ sở hữu****4.22.1. Bảng đối chiếu biến động của vốn chủ sở hữu**

	Các khoản mục thuộc vốn chủ sở hữu							Cộng VND
	Vốn góp của chủ sở hữu VND	Vốn khác của chủ sở hữu VND	Cổ phiếu quỹ VND	Chênh lệch đánh giá lại tài sản VND	Quỹ đầu tư phát triển VND	LNST chưa phân phối VND	Lợi ích cổ đông không kiểm soát VND	
Tại ngày 01/01/2024	1.250.000.000.000	22.509.201	(95.950.000)	(28.944.791.387)	25.652.683.264	974.105.309.401	102.784.692.095	2.323.524.452.574
- Trích quỹ khen thưởng, phúc lợi	-	-	-	-	-	(7.186.466.747)	(1.701.890.694)	(8.888.357.441)
- Trả cổ tức	-	-	-	-	-	(62.495.250.000)	(4.911.766.000)	(67.407.016.000)
- Ảnh hưởng năm trước do điều chỉnh số liệu hợp nhất công ty liên kết	-	-	-	-	-	588.360.813	-	588.360.813
- Lãi trong năm trước	-	-	-	-	-	171.270.309.507	(3.560.971.422)	167.709.338.085
Tại ngày 01/01/2025	1.250.000.000.000	22.509.201	(95.950.000)	(28.944.791.387)	25.652.683.264	1.076.282.262.974	92.610.063.979	2.415.526.778.031
- Lãi trong năm nay	-	-	-	-	-	205.787.278.069	23.054.689.674	228.841.967.743
- Trả cổ tức (*)	-	-	-	-	-	(68.744.775.000)	(2.947.059.600)	(71.691.834.600)
- Trích quỹ khen thưởng, phúc lợi (*)	-	-	-	-	-	(6.118.206.651)	(1.406.254.592)	(7.524.461.243)
Tại ngày 31/12/2025	1.250.000.000.000	22.509.201	(95.950.000)	(28.944.791.387)	25.652.683.264	1.207.206.559.392	111.311.439.461	2.565.152.449.931

(*) Tổng Công ty phân phối lợi nhuận theo Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông thường niên số 43/NQ-ĐHĐCĐ ngày 26 tháng 04 năm 2025.

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (TIẾP THEO)

4.22.2. Chi tiết vốn góp của chủ sở hữu

Nhà đầu tư	Tại ngày 31/12/2025		Tại ngày 01/01/2025	
	Giá trị (VND)	Tỷ lệ (%)	Giá trị (VND)	Tỷ lệ (%)
Tổng Công ty Đầu tư và Kinh doanh vốn	792.280.000.000	63,38%	792.280.000.000	63,38%
Công ty Cổ phần Địa ốc Ngân Hiệp	300.368.000.000	24,03%	-	0,00%
Công ty Cổ phần Quản lý Quỹ Đầu tư Đỏ	-	0,00%	180.000.000.000	14,40%
Công ty Cổ phần Tập đoàn GELEX	30.218.000.000	2,42%	118.982.000.000	9,52%
Công ty CP Đầu tư REDWOOD	105.449.000.000	8,44%	-	0,00%
Các cổ đông khác	21.589.050.000	1,72%	158.642.050.000,00	12,69%
Cổ phiếu quỹ	95.950.000	0,01%	95.950.000	0,01%
Cộng	1.250.000.000.000	100%	1.250.000.000.000	100%

4.22.3. Các giao dịch về vốn với các chủ sở hữu

	Năm 2025 VND	Năm 2024 VND
Vốn góp đầu năm	1.250.000.000.000	1.250.000.000.000
Vốn góp tăng trong năm	-	-
Vốn góp giảm trong năm	-	-
Vốn góp cuối năm	1.250.000.000.000	1.250.000.000.000

4.22.4. Vốn cổ phần

	Tại ngày 31/12/2025 Cổ phần	Tại ngày 01/01/2025 Cổ phần
Số lượng cổ phần đăng ký phát hành	125.000.000	125.000.000
Số lượng cổ phần đã bán ra công chúng	125.000.000	125.000.000
Bao gồm: Cổ phiếu phổ thông	125.000.000	125.000.000
Cổ phiếu ưu đãi (loại được phân loại là vốn chủ sở hữu)	-	-
Số lượng cổ phần được mua lại (cổ phiếu quỹ)	9.500	9.500
Bao gồm: Cổ phiếu phổ thông	9.500	9.500
Cổ phiếu ưu đãi (loại được phân loại là vốn chủ sở hữu)	-	-
Số lượng cổ phần đang lưu hành	124.990.500	124.990.500
Bao gồm: Cổ phiếu phổ thông	124.990.500	124.990.500
Cổ phiếu ưu đãi (loại được phân loại là vốn chủ sở hữu)	-	-
Mệnh giá cổ phần đang lưu hành: 10.000 VND		

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (TIẾP THEO)

4.22.5.Lãi cơ bản trên cổ phiếu

	Năm 2025 VND	Năm 2024 VND
Lãi sau thuế của cổ đông của Tổng Công ty	205.787.278.069	171.270.309.507
Trích quỹ khen thưởng phúc lợi	-	6.118.206.651
Lãi sau thuế để tính lãi cơ bản trên cổ phiếu	205.787.278.069	165.152.102.856
Số cổ phần lưu hành bình quân trong năm	124.990.500	124.990.500
Lãi cơ bản trên cổ phiếu	1.646	1.321

4.22.6.Lãi suy giảm trên cổ phiếu

	Năm 2025 VND	Năm 2024 VND
Lãi sau thuế của cổ đông của Tổng Công ty	205.787.278.069	171.270.309.507
Trích quỹ khen thưởng phúc lợi	-	6.118.206.651
Lãi sau thuế để tính lãi suy giảm trên cổ phiếu	205.787.278.069	165.152.102.856
Số lượng cổ phiếu phổ thông bình quân lưu hành trong kỳ	124.990.500	124.990.500
Số lượng cổ phiếu để tính lãi suy giảm trên cổ phiếu	124.990.500	124.990.500
Lãi suy giảm trên cổ phiếu	1.646	1.321

Năm 2025, Đại hội đồng cổ đông của Tổng Công ty chưa thông qua kế hoạch trích lập quỹ khen thưởng phúc lợi. Theo đó, lợi nhuận sau thuế TNDN để tính lãi cơ bản, lãi suy giảm trên cổ phiếu trong năm là toàn bộ lãi sau thuế của cổ đông Tổng Công ty, các chỉ tiêu này của năm 2025 có thể sẽ thay đổi khi Tổng Công ty có quyết định về việc trích quỹ trong tương lai.

Số liệu trích Quỹ khen thưởng phúc lợi năm 2024 được trình bày lại dựa trên Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2025 về việc phân phối lợi nhuận năm 2024. Theo đó, lãi cơ bản/lãi suy giảm trên cổ phiếu năm 2024 được trình bày lại là 1.321 VND/cổ phiếu (Số đã trình bày ở báo cáo năm 2024 là 1.370 VND/cổ phiếu).

4.22.7.Cổ tức

Theo Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông số 43/NQ-ĐHĐCĐ ngày 26 tháng 04 năm 2025, Tổng Công ty đã thông qua kế hoạch chia cổ tức năm 2024 với số tiền 68.744.775.000 VND (tương đương 5,5% vốn điều lệ).

4.23. Các quỹ của doanh nghiệp

	Quỹ đầu tư phát triển VND
Tại ngày 01/01/2025	25.652.683.264
Trích trong năm	-
Chi trong năm	-
Tại ngày 31/12/2025	25.652.683.264

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (TIẾP THEO)

4.24. Các khoản mục ngoài Bảng cân đối kế toán hợp nhất

	Tại ngày 31/12/2025	Tại ngày 01/01/2025
Ngoại tệ các loại:		
- USD	546.372,10	365.797,37
	Tại ngày 31/12/2025	Tại ngày 01/01/2025
	VND	VND
Nợ khó đòi đã xử lý:		
- Công ty Cổ phần Xuất nhập khẩu Thủy sản Tân Việt	47.914.627	47.914.627
- Thuế xuất nhập khẩu nộp 2 lần tại Cục Hải quan Tp. Hồ Chí Minh	6.231.565	6.231.565
	187.452.000	187.452.000
- Công ty TNHH Chế biến Kinh doanh Hải sản Dương Hà		
Cộng	241.598.192	241.598.192

5. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRÊN BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH HỢP NHẤT

5.1 Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ

	Năm 2025	Năm 2024
	VND	VND
Doanh thu bán hàng hóa	41.386.468.969	19.183.563.363
Doanh thu bán thành phẩm	589.601.360.221	495.236.721.464
Doanh thu cung cấp dịch vụ	126.363.800.375	86.861.731.044
Cộng	757.351.629.565	601.282.015.871
Trong đó: Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ là các bên liên quan - Xem thêm mục 8	314.529.623	327.768.478

5.2 Các khoản giảm trừ doanh thu

	Năm 2025	Năm 2024
	VND	VND
Chiết khấu thương mại	64.284.648	54.901.325
Hàng bán bị trả lại	27.106.050	5.610.000
Cộng	91.390.698	60.511.325

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (TIẾP THEO)

5.3 Giá vốn hàng bán

	Năm 2025 VND	Năm 2024 VND
Giá vốn của hàng hóa đã bán	36.128.236.551	15.218.032.781
Giá vốn của thành phẩm đã bán	529.719.606.483	436.648.267.972
Giá vốn của dịch vụ đã cung cấp	49.039.873.477	45.760.323.402
Dự phòng / hoàn nhập giảm giá hàng tồn kho	(496.262.170)	(3.736.301.646)
Cộng	614.391.454.341	493.890.322.509

5.4 Doanh thu hoạt động tài chính

	Năm 2025 VND	Năm 2024 VND
Lãi tiền gửi	22.442.705.099	16.693.018.954
Cổ tức, lợi nhuận được chia	1.843.222.350	3.630.644.150
Lãi chênh lệch tỷ giá trong thanh toán	3.793.687.857	5.749.862.377
Lãi bán ngoại tệ	142.106.500	60.287.000
Lãi chênh lệch tỷ giá do đánh giá lại các khoản mục gốc ngoại tệ cuối năm	7.244.352	69.317.702
Lãi bán hàng trả chậm	3.586.429	-
Cộng	28.232.552.587	26.203.130.183

5.5 Chi phí tài chính

	Năm 2025 VND	Năm 2024 VND
Chi phí lãi vay	4.604.905.945	4.575.329.302
Lỗ chênh lệch tỷ giá trong thanh toán	863.040.603	4.556.967.501
Dự phòng/(Hoàn nhập) tổn thất đầu tư tài chính	2.160.609.442	(2.398.433.849)
Lỗ chênh lệch tỷ giá do đánh giá lại các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ cuối năm	78.994.046	439.236.855
Chiết khấu thanh toán	4.963.642	172.331.296
Cộng	7.712.513.678	7.345.431.105

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (TIẾP THEO)

5.6 Chi phí bán hàng

	Năm 2025 VND	Năm 2024 VND
Chi phí nhân viên	6.967.546.720	8.015.848.572
Chi phí vật liệu, bao bì	587.976.188	502.531.057
Chi phí công cụ, đồ dùng	209.066.094	140.538.956
Chi phí khấu hao TSCĐ	197.046.539	167.102.096
Chi phí dịch vụ mua ngoài	18.948.350.642	15.354.204.682
Chi phí bằng tiền khác	9.546.976.990	7.113.701.731
Cộng	36.456.963.173	31.293.927.094

5.7 Chi phí quản lý doanh nghiệp

	Năm 2025 VND	Năm 2024 VND
Chi phí nhân viên	31.998.728.590	28.425.713.017
Chi phí vật liệu quản lý	4.044.680.045	3.815.124.233
Chi phí đồ dùng văn phòng	1.477.017.427	1.452.474.649
Chi phí khấu hao TSCĐ	1.943.639.744	1.803.705.259
Thuế, phí và lệ phí	6.468.298.368	11.026.988.730
Chi phí trích lập/(hoàn nhập) dự phòng phải thu khó đòi	6.916.866.288	14.115.109.301
Chi phí dịch vụ mua ngoài	9.062.221.604	8.501.704.627
Chi phí bằng tiền khác	13.295.358.826	7.924.760.549
Cộng	75.206.810.892	77.065.580.365

5.8 Thu nhập khác

	Năm 2025 VND	Năm 2024 VND
Thanh lý tài sản, CCDC	176.697.433	341.453.684
Xử lý thừa kiểm kê	-	378.093.896
Thu cho thuê	439.814.816	-
Thu từ phạt vi phạm hợp đồng	4.230.172.264	2.689.308.614
Hoàn nhập tiền thuê đất đã trích lập từ năm 2010 - 2024 (*)	32.103.790.734	-
Thu nhập khác	2.408.925.515	817.592.507
Cộng	39.359.400.762	4.226.448.701

(*) Trong năm, Tổng Công ty đã thực hiện hoàn nhập tiền thuê đất đã trích lập từ các năm trước – Xem thêm mục 4.17 và mục 4.18 tại 107 Nguyễn Như Kon Tum, Phường Thanh Xuân, Thành phố Hà Nội.

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (TIẾP THEO)

5.9 Chi phí khác

	Năm 2025 VND	Năm 2024 VND
Xử lý thiếu kiểm kê	-	77.620.187
Các khoản thuế bị phạt, truy thu	164.081.630	224.313.117
Chi phí khấu hao đất không sử dụng	87.755.748	87.755.748
Chi phí giảm khoản đầu tư liên doanh, liên kết Công ty CP Kỹ thuật Công trình Việt Nam (*)	17.907.677.429	-
Chi phí khác	84.418.316	18.604.648
Cộng	18.243.933.123	408.293.700

(*) Chi phí liên quan đến việc phân loại khoản đầu tư vào Công ty CP kỹ thuật Công trình Việt Nam từ Đầu tư vào công ty liên doanh, liên kết sang Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác. Xem thêm thuyết minh 4.2.

5.10 Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành

	Năm 2025 VND	Năm 2024 VND
Tổng Công ty thủy sản Việt Nam - Công ty cổ phần	4.509.304.524	7.680.196.053
Công ty Cổ phần Xuất nhập khẩu Thủy sản Hà Nội	-	-
Công ty Cổ phần Xuất nhập khẩu Thủy sản Năm Căn	524.060.345	872.820.692
Công ty Cổ phần Cơ khí Đóng tàu Thủy sản Việt Nam	242.128.124	-
Tổng chi phí thuế TNDN hiện hành	5.275.492.993	8.553.016.745

5.11 Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại

	Năm 2025 VND	Năm 2024 VND
Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại phát sinh từ các khoản chênh lệch tạm thời phải chịu thuế	4.700.010.268	(1.766.692.504)
Tổng chi phí thuế TNDN hoãn lại	4.700.010.268	(1.766.692.504)

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (TIẾP THEO)

6. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRÊN BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ HỢP NHẤT

6.1 Số tiền đi vay thực thu trong năm

	Năm 2025 VND	Năm 2024 VND
Tiền thu từ đi vay theo kế ước thông thường	508.939.929.096	335.336.042.886
Cộng	508.939.929.096	335.336.042.886

6.2 Số tiền đã thực trả gốc vay trong năm

	Năm 2025 VND	Năm 2024 VND
Tiền trả nợ gốc vay theo kế ước thông thường	466.618.160.072	406.825.296.500
Cộng	466.618.160.072	406.825.296.500

7. BÁO CÁO BỘ PHẬN

Nhằm phục vụ mục đích quản lý, Công ty phân chia hoạt động của mình thành các bộ phận chính yếu theo lĩnh vực sản xuất kinh doanh như sau: Hoạt động bán hàng hóa, bán thành phẩm và cung cấp dịch vụ.

TỔNG CÔNG TY THỦY SẢN VIỆT NAM – CÔNG TY CỔ PHẦN VÀ CÁC CÔNG TY CON

Địa chỉ: 2-4-6 Đồng Khởi, Phường Sài Gòn, Thành phố Hồ Chí Minh

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (TIẾP THEO)

Cho kỳ kế toán kết thúc tại ngày 31/12/2024:

	Hoạt động bán hàng hóa VND	Hoạt động bán thành phẩm VND	Hoạt động cung cấp dịch vụ VND	Tổng cộng VND
Doanh thu bộ phận	19.183.563.363	495.236.721.464	86.861.731.044	601.282.015.871
Giảm trừ doanh thu	-	60.511.325	-	60.511.325
Giá vốn của bộ phận	15.218.032.781	432.911.966.326	45.760.323.402	493.890.322.509
Chi phí bán hàng và QLDN	3.457.148.929	89.248.648.383	15.653.710.147	108.359.507.459
Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh	508.381.653	(26.923.893.245)	25.447.697.495	(1.028.325.422)
+ Doanh thu tài chính				26.203.130.183
+ Phần lãi, lỗ bên liên kết				152.848.133.669
+ Chi phí tài chính				7.345.431.105
+ Thu nhập khác				4.226.448.701
+ Chi phí khác				408.293.700
Lợi nhuận trước thuế				174.495.662.326
Thuế TNDN hiện hành				8.553.016.745
Thuế TNDN hoãn lại				(1.766.692.504)
Lợi nhuận sau thuế				167.709.338.085
Các thông tin khác tại ngày 01/01/2025	Hoạt động bán hàng hóa VND	Hoạt động bán thành phẩm VND	Hoạt động cung cấp dịch vụ VND	Tổng cộng VND
Tài sản của bộ phận	82.537.805.921	2.130.769.535.762	373.724.972.948	2.587.032.314.632
Tài sản không phân bổ	-	-	-	-
Tổng tài sản	82.537.805.921	2.130.769.535.762	373.724.972.948	2.587.032.314.632
Nợ phải trả của bộ phận	5.471.787.350	141.257.907.965	24.775.841.285	171.505.536.601
Nợ phải trả không phân bổ	-	-	-	-
Tổng nợ phải trả	5.471.787.350	141.257.907.965	24.775.841.285	171.505.536.601
Chi phí khấu hao bộ phận	288.117.794	7.437.956.600	1.304.575.686	9.030.650.080
Chi phí mua sắm tài sản	11.382.031	293.834.876	51.536.982	356.753.889

TỔNG CÔNG TY THỦY SẢN VIỆT NAM – CÔNG TY CỔ PHẦN VÀ CÁC CÔNG TY CON

Địa chỉ: 2-4-6 Đồng Khởi, Phường Sài Gòn, Thành phố Hồ Chí Minh

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (TIẾP THEO)

Cho kỳ kế toán kết thúc tại ngày 31/12/2025:

	Hoạt động bán hàng hóa VND	Hoạt động bán thành phẩm VND	Hoạt động cung cấp dịch vụ VND	Tổng cộng VND
Doanh thu bộ phận	41.386.468.969	589.601.360.221	126.363.800.375	757.351.629.565
Giảm trừ doanh thu		91.390.698	-	91.390.698
Giá vốn của bộ phận	36.128.236.551	529.223.344.313	49.039.873.477	614.391.454.341
Chi phí bán hàng và QLDN	6.102.012.777	86.930.707.621	18.631.053.667	111.663.774.065
Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh	(843.780.359)	(26.644.082.411)	58.692.873.231	31.205.010.461
+ Doanh thu tài chính				28.232.552.587
+ Phần lãi, lỗ bên liên kết				165.976.953.995
+ Chi phí tài chính				7.712.513.678
+ Thu nhập khác				39.359.400.762
+ Chi phí khác				18.243.933.123
Lợi nhuận trước thuế				238.817.471.004
Thuế TNDN hiện hành				5.275.492.993
Thuế TNDN hoãn lại				4.700.010.268
Lợi nhuận sau thuế				228.841.967.743
Các thông tin khác tại ngày 31/12/2025	Hoạt động bán hàng hóa VND	Hoạt động bán thành phẩm VND	Hoạt động cung cấp dịch vụ VND	Tổng cộng VND
Tài sản bộ phận	150.793.319.737	2.148.237.060.175	460.411.758.427	2.759.442.138.339
Tài sản không phân bổ	-	-	-	-
Tổng tài sản	150.793.319.737	2.148.237.060.175	460.411.758.427	2.759.442.138.339
Nợ phải trả bộ phận	10.617.213.783	151.255.321.954	32.417.152.671	194.289.688.408
Nợ phải trả không phân bổ	-	-	-	-
Tổng nợ phải trả	10.617.213.783	151.255.321.954	32.417.152.671	194.289.688.408
Chi phí khấu hao bộ phận	486.214.242	6.926.722.326	1.484.540.261	8.897.476.829
Chi phí mua sắm tài sản	237.403.094	3.382.100.251	724.854.232	4.344.357.576

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (TIẾP THEO)

8. THÔNG TIN VỀ CÁC BÊN LIÊN QUAN

Tại ngày lập bảng cân đối kế toán hợp nhất, số dư phải thu, phải trả với Công ty mẹ, các Công ty con và các Công ty liên kết có phát sinh giao dịch trong năm như sau:

Danh sách các bên liên quan

1. Tổng Công ty Đầu tư và Kinh doanh vốn Nhà nước
2. Công ty CP Xuất nhập khẩu Thủy sản Hà Nội
3. Công ty CP Xuất nhập khẩu Thủy sản Năm Căn
4. Công ty CP Cơ khí Đóng tàu - Thủy sản Việt Nam
5. Công ty CP Dịch vụ Nuôi trồng Thủy sản Hạ Long
6. Công ty CP Thủy sản số 5
7. Công ty CP Việt Pháp Sản xuất Thức ăn gia súc Proconco
8. Công ty CP Công nghiệp Thủy sản
9. Công ty CP Đóng sửa tàu Nhà Bè
10. Công ty Cổ phần Tập đoàn GELEX
11. Công ty CP Đầu tư REDWOOD
12. Công ty Cổ phần Địa ốc Ngân Hiệp
13. Hội đồng quản trị và Ban Tổng Giám đốc

Mối quan hệ

Công ty mẹ
Công ty con
Công ty con
Công ty con
Công ty liên kết
Công ty liên kết
Công ty liên kết
Công ty liên kết
Công ty liên kết
Cổ đồng
Cổ đồng
Cổ đồng
Nhân sự quản lý chủ chốt

Trong năm, Công ty đã có các giao dịch chủ yếu với bên liên quan như sau:

	Năm 2025 VND	Năm 2024 VND
Bán hàng và cung cấp dịch vụ:		
Công ty CP Dịch vụ Nuôi trồng Thủy sản Hạ Long	96.567.240	71.960.000
Công ty CP Đồ hộp Hạ Long	-	255.808.478
Công ty CP Tập đoàn Gelex	199.672.383	-
Công ty CP Quản lý Quỹ Đầu tư Đổ	18.290.000	-
Cộng – Xem thêm mục 5.1	314.529.623	327.768.478
	Năm 2025 VND	Năm 2024 VND
Mua hàng hóa, dịch vụ:		
Công ty CP Công nghiệp Thủy sản	36.000.000	36.000.000
Công ty CP Đóng sửa tàu Nhà Bè	21.818.183	21.818.184
Cộng	57.818.183	57.818.184
	Năm 2025 VND	Năm 2024 VND
Cổ tức được chia:		
Công ty CP Thủy sản số 5	138.600.000	277.200.000
Công ty CP Đồ hộp Hạ Long	-	1.664.832.000
Công ty CP Việt Pháp Sản xuất Thức ăn gia súc Proconco	41.934.069.600	34.945.058.000
Cộng	42.072.669.600	36.887.090.000

TỔNG CÔNG TY THỦY SẢN VIỆT NAM – CÔNG TY CỔ PHẦN VÀ CÁC CÔNG TY CON

Địa chỉ: 2-4-6 Đồng Khởi, Phường Sài Gòn, Thành phố Hồ Chí Minh

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (TIẾP THEO)**Thù lao của các thành viên Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát:**

Họ và tên	Chức danh	Năm 2025 VND	Năm 2024 VND
Ông Hoàng Ngọc Thạch	Chủ tịch HĐQT	120.000.000	120.000.000
Ông Mai Xuân Phong	Thành viên	84.000.000	84.000.000
Ông Đinh Tiến Long	Thành viên (Miễn nhiệm từ ngày 26/04/2025)	28.000.000	84.000.000
Bà Đỗ Thị Phương Lan	Thành viên	84.000.000	56.000.000
Ông Võ Tùng Hưng	Thành viên (Miễn nhiệm từ ngày 26/04/2025)	28.000.000	56.000.000
Bà Đặng Phương Lan	Thành viên (Bổ nhiệm từ ngày 26/04/2025)	56.000.000	-
Ông Lê Trung Hiếu	Thành viên (Bổ nhiệm từ ngày 26/04/2025)	56.000.000	-
Ông Lê Cao Khánh	Trưởng BKS (Bổ nhiệm từ ngày 26/04/2025)	48.000.000	-
Bà Đặng Phương Lan	Trưởng BKS (Miễn nhiệm từ ngày 26/04/2025)	24.000.000	64.000.000
Ông Trần Thanh Tuấn	Thành viên (Miễn nhiệm từ ngày 26/04/2025)	16.000.000	48.000.000
Bà Phạm Trâm Anh	Thành viên (Miễn nhiệm từ ngày 26/04/2025)	16.000.000	32.000.000
Ông Lưu Mạnh Cường	Thành viên (Bổ nhiệm từ ngày 26/04/2025)	32.000.000	-
Bà Phạm Thị Lan Hương	Thành viên (Bổ nhiệm từ ngày 26/04/2025)	32.000.000	-

Tiền lương, thưởng và các khoản thu nhập khác của các thành viên Ban Tổng Giám đốc:

Họ và tên	Chức danh	Năm 2025 VND	Năm 2024 VND
Ông Mai Xuân Phong	Tổng Giám đốc	1.296.507.792	1.327.174.277
Ông Nguyễn Thành Trung	Phó Tổng Giám đốc	1.043.275.651	1.081.128.441
Ông Lê Vĩnh Hòa	Phó Tổng Giám đốc	947.302.201	984.045.378
Bà Lương Thị Thu Hương	Phó Tổng Giám đốc	-	63.505.671
Ông Đỗ Trung Chuyên	Phó Tổng Giám đốc (Bổ nhiệm từ ngày 01/01/2025)	525.043.449	-

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (TIẾP THEO)

9. CÁC SỰ KIỆN SAU NGÀY KẾT THÚC NĂM TÀI CHÍNH

Không có các sự kiện quan trọng xảy ra sau ngày kết thúc năm tài chính đến ngày phát hành báo cáo tài chính hợp nhất.

10. CÁC THÔNG TIN THUYẾT MINH KHÁC

Tổng Công ty đã vay Công ty Cổ phần Xây dựng Bắc Nam 79 để nộp tiền sử dụng đất của khu đất số 2-4-6 Đồng Khởi, Phường Sài Gòn, Thành phố Hồ Chí Minh theo hợp đồng vay số 01/2016/HĐVV ngày 23/06/2016 với số tiền là 250.000.000.000 VND, lãi suất 7%/năm. Khoản vay này được đảm bảo bằng 22.000.000 cổ phần của Tổng Công ty có tại Công ty Cổ phần Việt Pháp Sản xuất Thức ăn gia súc Proconco (Xem thêm mục 4.2).

Theo bản án phúc thẩm số 346/2019/HS-PT ngày 13/06/2019, Tòa án Nhân dân cấp cao tại Hà Nội ra Quyết định có nội dung liên quan đến quyền và lợi ích của Tổng Công ty như sau: "Buộc Tổng Công ty Thủy sản Việt Nam nộp số tiền 250.000.000.000 VND (tiền gốc) và 18.403.423.025 VND (tiền lãi) đã vay của Công ty Cổ phần Xây dựng Bắc Nam 79 cho Cơ quan thi hành án dân sự có thẩm quyền để đảm bảo cho việc thi hành án đối với nghĩa vụ của pháp nhân, trách nhiệm của bị cáo Phan Văn Anh Vũ trong vụ án này và các giao dịch khác có liên quan".

Từ ngày 10/02/2023 đến ngày 22/12/2023, Tổng Công ty đã bị cưỡng chế khấu trừ toàn bộ số tiền 268.403.423.025 VND theo Quyết định thi hành án chủ động số 910/QĐ-CTHADS ngày 27/02/2020 để thi hành án liên quan đến bản án phúc thẩm trên.

Ngoài số tiền 268.403.423.025 VND đã được Tổng Công ty thi hành cưỡng chế nêu trên, tính đến hiện nay, Tổng Công ty đã thanh toán thêm 96.196.605.130 VND tiền lãi vay cho Công ty Cổ phần Xây dựng Bắc Nam 79. Phần lãi vay còn lại (trong tổng lãi vay tính đến ngày 21/12/2023) chưa được Tổng Công ty thanh toán là 4.014.307.036 VND (Xem thêm mục 4.16).

Hiện tại, giữa Tổng Công ty và Công ty Cổ phần Xây dựng Bắc Nam 79 vẫn tiếp tục làm việc để giải quyết các vấn đề liên quan đến quyền lợi của các bên.

Ngoài ra, Tổng Công ty đã có Công văn số 371/TSVN-TCKT ngày 19/10/2023 về việc đề nghị xem xét quá trình thi hành án đối với QĐ 910 gửi Cục THADS TP.Hà Nội và Chấp hành viên Nguyễn Thu Nga để được xem xét và làm rõ và các Công văn khác.

Ngày 09/07/2025, Tổng Công ty nhận được Công văn số 83/2025/GTT-TA của Tòa án Nhân dân Khu vực 1 Thành phố Hồ Chí Minh về việc tham gia phiên họp và hòa giải vào ngày 04/08/2025. Trên cơ sở đã thống nhất của HĐQT Tổng Công ty về các vấn đề liên quan nợ gốc và lãi vay giữa Tổng Công ty với Công ty Cổ phần Xây dựng Bắc Nam 79 tại Nghị quyết số 66/NQ-TSVN-HĐQT ngày 30/8/2023 và các hành động pháp lý xuyên suốt của Tổng Công ty từ khi có BAPT 346, QĐ 910 cho đến nay, Tổng Công ty đã nộp bản tự khai số 299/TSVN-HCNS ngày 30/07/2025 và cung cấp cho tòa các tài liệu đính kèm. Tiếp đó, tại các phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải theo Thông báo số 445/2025/TB-TA ngày 25/11/2025 và Thông báo số 75/2025/TB-TA ngày 29/12/2025 của Tòa án nhân dân Khu vực 1, Thành phố Hồ Chí Minh, Tổng Công ty đã tham dự và nêu ý kiến của Tổng Công ty về vụ án theo quy định.

Ngày 12/01/2026, Tổng Công ty nhận được Quyết định số 21/2026/QĐXXST-KDTM ngày 08/01/2026 của Tòa án nhân dân Khu vực 1, Thành phố Hồ Chí Minh về việc đưa vụ án ra xét xử. Theo đó, thời gian mở phiên tòa được diễn ra vào ngày 23/01/2026 tại Phòng xử án Tòa án nhân dân khu vực 1 - Thành phố Hồ Chí Minh.

TỔNG CÔNG TY THỦY SẢN VIỆT NAM – CÔNG TY CỔ PHẦN VÀ CÁC CÔNG TY CON

Địa chỉ: 2-4-6 Đồng Khởi, Phường Sài Gòn, Thành phố Hồ Chí Minh

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (TIẾP THEO)

Ngày 28/01/2026, bản án số 7/2026/KDTM-ST tuyên xử: đình chỉ yêu cầu khởi kiện của Công ty Cổ phần Xây dựng Bắc Nam 79 về việc: "Buộc Tổng Công ty Thủy Sản Việt Nam – Công ty Cổ phần thanh toán cho Công ty Cổ phần Xây dựng Bắc Nam 79 toàn bộ số tiền nợ gốc còn lại theo Hợp đồng vay vốn số 01/2016/HĐVV ngày 23/6/2016 và các phụ lục hợp đồng kèm theo gồm Phụ lục hợp đồng vay vốn số 01/2017/PLHĐVV ngày 20/6/2017, Phụ lục hợp đồng vay vốn số 02/2017/PLHĐVV ngày 28/12/2017, với số tiền là 250.000.000.000 đồng".



Mai Xuân Phong
Tổng Giám đốc

Hồ Chí Minh, ngày 17 tháng 03 năm 2026

Vũ Thị Hồng Gấm
Kế toán trưởng

Lê Cao Thùy Linh
Người lập